VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 23/2012/QĐ-UBND	*Đắk Nông, ngày 28 tháng 12 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2013

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTNMT-BTC ngày 08/01/2010 của liên Bộ: Tài nguyên và Môi trường - Tài chính hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành bảng giá đất và điều chỉnh bảng giá đất thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thống nhất Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2013".

Điều 2. Giá các loại đất tại Điều 1 Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để:

- Tính thuế sử dụng đất, thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất;

- Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ;

- Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất;

- Tính giá trị quyền sử dụng đất để xác định giá trị tài sản của Doanh nghiệp Nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa;

- Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất;

- Tính thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

- Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về Đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước.

Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thì mức giá khởi điểm do UBND tỉnh quy định riêng và không được thấp hơn mức giá quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2012 và Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về điều chỉnh bổ sung một số nội dung Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2012 ban hành kèm theo Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Đắk Nông.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh; được niêm yết công khai tại trụ sở UBND các xã, phường, thị trấn trong tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; các tổ chức chính trị xã hội và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Diễn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

I. Giá đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản

Đơn vị tính: Đồng/m²

TT	Loại đất	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	Hạng 4	Hạng 5	Hạng 6
1	Đất trồng cây hàng năm	-	12.000	10.000	5.000	4.000	2.500
2	Đất trồng lúa nước	-	18.000	15.000	7.500	6.000	3.500
3	Đất trồng cây lâu năm	19.000	17.000	14.000	10.000	6.000	-
4	Đất rừng sản xuất	9.000	7.000	5.000	3.000	1.000	-
5	Đất nuôi trồng thủy sản	-	12.000	10.000	5.000	4.000	2.500

Bảng giá đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản quy định trên, được áp dụng cho các huyện và các xã thuộc thị xã Gia Nghĩa. Trừ đất nông nghiệp xen kẽ trong đô thị được quy định riêng dưới đây.

II. Giá đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư các phường thuộc thị xã Gia Nghĩa

Đơn vị tính: đồng/m²

TT	Tên Phường	Tổ dân phố	Đơn giá
1	Nghĩa Thành	1, 2, 3, 4, 5, 6, 10	25.000
	Nghĩa Tân	1, 2	
	Nghĩa Trung	2, 3	
	Nghĩa Đức	1, 2	
	Nghĩa Phú	5	
2	Nghĩa Thành	7, 8, 9	20.000
	Nghĩa Tân	3, 4, 6	
	Nghĩa Trung	1, 4, 5, 6	
	Nghĩa Phú	2, 3, 4, 6	
	Nghĩa Đức	4	
3	Các khu vực còn lại thuộc các phường		17.000

III. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Tính bằng 0,67 so với giá đất quy định tại mục IV bảng giá này.

IV. Gía đất ở

1. Thị xã Gia Nghĩa

Đơn vị tính: Đồng/m^2

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 14	Ranh giới huyện Đắk Song	Nguyễn Tất Thành (Giáp ranh phường Nghĩa Thành)	350.000
2	Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Nghĩa Thành	Phan Bội Châu (Cột mốc 842 Quốc lộ 14 – đường đi Lâm trường Nghĩa Tín)	750.000
		Phan Bội Châu (Cột mốc số 842 Quốc lộ 14 - Đường đi Lâm trường Nghĩa Tín)	Hai Bà Trưng (Quốc lộ 14 cũ)	1.050.000
		Hai Bà Trưng (Quốc lộ 14 cũ)	Đường vào Bộ đội biên phòng	1.400.000
		Đường vào Bộ đội biên phòng	Lê Duẩn (Ngã ba Sùng Đức – cột mốc 847-:-100 mét)	1.700.000
		Lê Duẩn (Ngã ba Sùng Đức – cột mốc 847-:-100 mét)	Ngã ba vào Trường dạy nghề	1.400.000
		Ngã ba vào Trường dạy nghề	Hết địa phận Thị xã Gia Nghĩa	1.000.000
3	Hai Bà Trưng	Nguyễn Tất Thành	Võ Thị Sáu (thị đội)	1.500.000
		Võ Thị Sáu (thị đội)	Đường 23/3	1.800.000
4	Đường 23/ 3	Đường Nguyễn Tất Thành (đường vào Bộ đội biên phòng)	Hai Bà Trưng (ngã 4 hồ Thiên Nga)	1.500.000
		Hai Bà Trưng (ngã 4 Hồ Thiên Nga)	Nguyễn Văn Trỗi (Lê Lợi cũ)	2.800.000
		Nguyễn Văn Trỗi (Lê Lợi cũ)	Trần Phú (Tỉnh lộ 4 cũ)	2.300.000
5	Lê Thị Hồng Gấm (23/3 cũ)	Đường 23/3	Ngã 3 Hùng Vương – Trần Phú (Ngã 3 Quốc lộ 28 - Tỉnh lộ 4 cũ)	1.800.000
6	Tống Duy Tân (Hùng Vương cũ)	Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14 cũ)	Tôn Đức Thắng	1.500.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
7	Nguyễn Tri Phương (Hùng Vương cũ)	Chu Văn An	Đường 23/3	1.800.000
8	Ngô Mây	Lý Tự Trọng	Ngã 3 vào Thôn Nghĩa Bình	720.000
		Tống Duy Tân	Ngã 3 vào Thôn Nghĩa Bình	1.000.000
9	Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	Đường 23/3	Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	3.200.000
10	Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Cổng Trại tạm giam Công an huyện (cũ)	Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	2.500.000
		Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	Hết Chợ thị xã	3.800.000
		Lý Thường Kiệt cũ nối dài (Cuối chợ thị xã)	Vào hướng chùa Pháp Hoa 50 mét	1.000.000
11	Đường đi sân bay (cũ)	Ngã 3 Chùa Pháp Hoa (Hùng Vương cũ)	Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ đi Sân bay cũ)	1.000.000
12	Lý Tự Trọng	Chu Văn An	Đào Duy Từ	750.000
13	Bà Triệu	Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Tôn Đức Thắng	3.700.000
14	Đào Duy Từ	Tôn Đức Thắng	Ngô Mây	500.000
15	Phạm Ngọc Thạch	Đường 23/3 (Bến xe cũ)	Đường 23/3	850.000
16	Chu Văn An	Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	Tôn Đức Thắng (Hùng Vương cũ)	2.500.000
17	Võ Thị Sáu	Tôn Đức Thắng	Hai Bà Trưng (Quốc lộ 14 cũ)	800.000
18	Đường quanh chợ	Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Bà Triệu	3.800.000
19	Nguyễn Viết Xuân	Tôn Đức Thắng	Hai Bà Trưng (Quốc lộ 14 cũ)	700.000
20	Nguyễn Văn Trỗi (Lê Lợi cũ)	Đường 23/3	Lê Lai	750.000
		Lê Lai	Lê Thánh Tông	1.200.000
21	Lê Lai	Đường 23/3 (Vào Tỉnh uỷ)	Ngã 3 Tỉnh uỷ	1.500.000
22	Điện Biên Phủ	Đường Lê Thị Hồng Gấm (23/3 cũ)	Hết đường nhựa	800.000
		Hết đường nhựa	Cuối đường	600.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
23	Y Bih Alêô (N'Trang Long cũ)	Lê Thị Hồng Gấm (Đường 23/3 cũ)	Cổng Trường Nội trú N'Trang Long	800.000
		Cổng Trường nội trú N'Trang Long	Lê Thánh Tông	300.000
24	Quang Trung	Đường 23/3	Trụ sở UBND phường Nghĩa Tân	1.300.000
		Trụ sở UBND phường Nghĩa Tân	Ngã 3 đường cấp phối	1.000.000
		Ngã 3 đường cấp phối	Trần Hưng Đạo	750.000
25	Lê Duẩn (Đăm Bri cũ)	Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14 - Ngã ba Sùng Đức)	Ngã tư Lê Duẩn (Văn phòng - Nhà điều hành dự án Thủy điện Đắk R'tih)	1.000.000
		Ngã tư Lê Duẩn (Văn phòng - Nhà điều hành dự án Thủy điện Đắk R'tih)	Ngã 3 Nông trường	550.000
		Ngã 3 Nông trường chè	Hết đường	350.000
26	Lê Thánh Tông	Đường 23/3	Ngã 3 Đồi Thuỷ lợi cũ	1.600.000
		Ngã 3 Đồi Thuỷ lợi cũ	Y Bih Alêô	1.400.000
27	Phạm Văn Đồng (Lê Thánh Tông cũ)	Y Bih Alêô	Đường dây 500 KV	1.100.000
		Đường dây 500 KV	Nghĩa địa	750.000
		Nghĩa địa	Ngã 3 (đường vào Thủy điện Đắk Nông)	400.000
28	Đường Nhựa (Lê Thánh Tông cũ)	Ngã 3 (đường vào Thủy điện Đắk Nông)	Thuỷ điện Đắk Nông	400.000
		Ngã 3 (đường vào Thủy điện Đắk Nông)	Cầu gãy (giáp ranh xã Đắk Nia)	400.000
29	Nguyễn Văn Trỗi (cũ)	Đường 23/3 (cầu Đắk Nông)	Ngã 4, Tổ dân phố 1 (Tổ 1, Khối 5 cũ)	1.700.000
		Ngã 4, Tổ dân phố 1 (Tổ 1, Khối 5 cũ)	Ngã 3 khu nhà công vụ	1.500.000
		Ngã 3 khu nhà công vụ	Đường 23/3 (Trước Bưu điện tỉnh)	1.200.000
	N'Trang Lơng (Nguyễn Trãi - Đường đi Cầu Bà Thống cũ)	Nguyễn Văn Trỗi cũ - Ngã 3 nhà công vụ)	Cầu Bà Thống	1.000.000
	Đường N'Trang Lơng (Tổ dân phố 4, phường Nghĩa Đức)	Ngã ba đường vào khu tái định cư Đồi Đắk Nur và đường đi Ban Quản lý các dự án tỉnh	Vào Khu tái định cư đồi Đắk Nur (đường mới - một chiều)	900.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
30	Đường sau nhà Công vụ	Ngã 3 đường đi Cầu Bà Thống	Hết đường nhựa	500.000
		N'Trang Lơng	Vào 50 mét	550.000
		Hết đường nhựa	Đoạn đường đất còn lại	450.000
31	Đường bên hông nhà Công vụ	N'Trang Long	Đường sau nhà Công vụ	450.000
32	Đường vào Địa chất cũ	Tiếp giáp đường xuống Cầu Bà Thống	Vào 200 mét (vào trạm bơm)	400.000
33	Đường vào trường Nguyễn Thị Minh Khai	N'Trang Lơng	Cổng trường Nguyễn Thị Minh Khai	750.000
34	Đường vào các tổ an ninh, tổ dân phố (phường Nghĩa Đức)	Cầu Bà Thống	Rẽ phải đến giáp ranh khu TĐC đồi Đắk Nur	450.000
		Cầu Bà Thống	Đi thẳng đến trụ sở Ban QLCDA tỉnh Đắk Nông	500.000
35	Đường khu vực Tổ dân phố 1 (Tổ 1, Khối 5 cũ, Phường Nghĩa Đức)	Đường 23/3	N'Trang Lơng	1.700.000
36	Mạc Thị Bưởi	Hai Bà Trưng (Quốc lộ 14 cũ)	Hết hồ Thiên Nga (hồ Vịt cũ)	1.100.000
		Hết hồ Thiên Nga (hồ Vịt cũ)	Hết đường	900.000
37	Lê Hồng Phong (Đường vào mỏ đá 739 cũ)	Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14 cũ)	Hết địa phận Công an phường Nghĩa Phú	700.000
38	Đường trước Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Mạc Thị Bưởi	Hết đường nhựa	800.000
39	Trần Phú (Tỉnh lộ 4 cũ)	Km 0 (Đường 23/3)	Km 1	1.200.000
		Km 1	Km 2	900.000
		Km 2	Km 4	600.000
40	Tỉnh Lộ 4	Km 4 (tiếp giáp với đường Trần Phú)	Km 6	400.000
41	Phan Bội Châu (Đường liên thôn Nghĩa Tín cũ)	Ngã 3 Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14 cũ)	Hết đường (1.310m)	450.000
42	Đường vào Nghĩa Bình	Ngã 3 Phan Bội Châu (Ngã 3 Nghĩa Tín cũ)	Ngã 3 Nghĩa Bình	450.000
43	Đường vành đai Hồ Thôn Nghĩa Thành			450.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
44	An Dương Vương (Đường đi xã Đắk R'moan)	Tiếp giáp Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14 cũ)	Ngã ba đường mới đi vào xã Đắk R'moan	300.000
		Ngã ba đường mới đi vào xã Đắk R'moan	Ngã 3 đường vành đai	250.000
45	Hùng Vương (Quốc lộ 28 cũ)	Ngã 3 Trần Phú – Lê Thị Hồng Gấm (ngã 3 tỉnh lộ 4 cũ)	Hội trường Tổ dân phố 5	1.500.000
		Hội trường Tổ dân phố 5	Cầu lò gạch	1.000.000
46	Võ Văn Kiệt	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 28 cũ)	Hết đường nhựa	700.000
47	Quốc Lộ 28	Cầu lò gạch	Cầu Đắk Ninh	500.000
		Cầu Đắk Ninh	Giáp ranh xã Quảng Khê (Cầu Đắk Đô)	300.000
48	Đường Lý Thái Tổ (đường D1 cũ)	Đường 23/3	Hết đường nhựa	1.700.000
49	Đường Ama Jhao (đường D2 cũ) + Đường Cao Thắng	Đường 23/3	Hết đường vòng nối với đường 23/3 (gần Sở Nội vụ)	1.600.000
50	Đường Điểu Ong (đường trước Trung tâm Hội nghị tỉnh)	Đường 23/3	Phan Đăng Lưu (Đường N1 cũ)	1.600.000
51	Phan Đăng Lưu (Đường N1 cũ)	Ngã 3 Tỉnh ủy (đoạn giao đường Nguyễn Văn Trỗi và đường Lê Lai)	Ngã 3 Đường 23/3 (Sở Thông tin và Truyền thông)	1.600.000
52	Vũ Anh Ba (Đường N3 cũ)	Phan Đăng Lưu (đường N1 cũ)	Đường Điểu Ông	1.400.000
53	Trần Hưng Đạo	Lê Duẩn	Ngã tư khu trung tâm hành chính thị xã	1.000.000
		Đường 23/3 (Sở Thông tin và Truyền thông)	Ngã ba Tỉnh uỷ	1.600.000
54	Đường 3/2 (đường vào Trung tâm hành chính Thị xã Gia Nghĩa)	Quang Trung	Ngã ba đường Nguyễn Trung Trực	1.000.000
55	Đường Nguyễn Trung Trực	Ngã ba đường 3/2 và đường Nguyễn Trung Trực	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo (rẽ phải)	800.000
		Ngã ba đường 3/2 và đường Nguyễn Trung Trực	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo (rẽ trái)	800.000
56	Đường Cao Bá Quát	Nguyễn Trung Trực	Trần Hưng Đạo	800.000
57	Võ Văn Tần	Nguyễn Trung Trực	Trần Hưng Đạo	800.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
58	Khu vực Tổ dân phố 1+3 Phường Nghĩa Trung	Trường Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long (theo đường vào khách sạn Logde)	Đường Y Bih AlêÔ	750.000
59	Đường hẻm nối với đường Ama Jhao nối dài	Ngã ba Đường hẻm nối với đường Ama Jhao (Đối diện với trụ sở làm việc Trung tâm Đo Đạc và tư vấn TNMT)	Hết đất nhà ông Trần Văn Diêu	800.000
60	Đường vào Tổ dân phố 4, phường Nghĩa Tân	Nguyễn Tất Thành	hết đường nhựa	650.000
61	Đường vào khu vực nhà ở cán bộ, bộ đội biên phòng tỉnh (theo đường vào cổng Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh) tổ 5, phường Nghĩa Phú			
		Nguyễn Tất Thành	Hết đường nhựa	500.000
62	Tổ dân phố 4, phường Nghĩa Phú	Đường nhựa (chưa có tên)		350.000
63	Đường Phan Kế Bình	Lê Duẩn	Hết Đường Phan Kế Bình	1.000.000
64	Đường Tô Hiến Thành	Trần Hưng Đạo	Hết Đường Tô Hiến Thành	1.000.000
65	Đường Đinh Tiên Hoàng	Lê Duẩn	Đường Tô Hiến Thành	1.000.000
66	Đường Lương Thế Vinh	Nguyễn Trãi	Hết Đường Lương Thế Vinh	1.200.000
67	Đường Vành đai thôn Tân Tiến, xã Quảng Thành	Từ Km số 5	Giáp ranh xã Đắk R'moan	200.000
68	Đường nhựa vào thôn Tân Tiến, xã Quảng Thành	Đường nhựa vào UBND xã Quảng Thành	Trường Nguyễn Chí Thanh	250.000
69	Đường nhựa Liên thôn Tân Tiến, xã Quảng Thành	Ngã ba gần hội trường thôn Tân Tiến	Giáp Khu tái định cư Công an tỉnh	200.000
70	Đường nhựa liên thôn Tân Hiệp, Tân Lợi (xã Đắk R'moan	Đường nhựa liên thôn		150.000
71	**Khu đô thị mới Đắk Nia**			
71.1	Đường Tản Đà (Trục N1 cũ)	Hàm Nghi (Trục D1)	Y Jút (Trục N3)	1.200.000
71.2	Đường Nguyễn Hữu Thọ (Trục N2)	Hàm Nghi (Trục D1)	Y Jút (Trục N3)	1.200.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
71.3	Đường Y Jút (trục N3)	Hoàng Diệu (Trục N16)	Tôn Thất Tùng (Trục N7)	1.100.000
71.4	Đường Kim Đồng (trục N5)	Hàm Nghi (Trục D1)	Tôn Thất Tùng (Trục N7)	1.200.000
		Tôn Thất Tùng (Trục N7)	Phan Đình Phùng (Trục N8)	1.000.000
71.5	Đường Nguyễn Thượng Hiền (Trục N 4)	Kim Đồng (Trục N5)	Hoàng Diệu (Trục N16)	1.000.000
71.6	Đường Trần Khánh Dư (Trục N10)	Tản Đà (Trục N1)	Giao của đường Y Jút – Tôn Thất Tùng (giao của trục N3, N7 cũ)	1.000.000
71.7	Đường Hoàng Hoa Thám (Trục N11)	Tản Đà (Trục N1)	Y Jút (Trục N3)	1.000.000
71.8	Đường Trần Đại Nghĩa (trục N12)	Tản Đà (Trục N1)	Nguyễn Thượng Hiền (Trục N4)	900.000
71.9	Đường Trần Nhật Duật (trục N15)	Kim Đồng (Trục N5) và Nguyễn Thượng Hiền (Trục N4)	Đường Phan Đình Phùng (Trục N8)	1.000.000
71.10	Đường Hoàng Diệu (trục N16)	Ngã 5 Y Jút (Trục N3)	Ngã ba YJút (Trục N3) và Hoàng Diệu (Trục N16)	1.000.000
71.11	Đường Hàm Nghi (trục D1)	Hùng Vương (Quốc lộ 28)	Tôn Thất Tùng (Trục N7)	1.200.000
71.12	Đường Nguyễn Trường Tộ (Trục N22)	Hoàng Diệu (Trục N16)	Giao giữa Nguyễn Thượng Hiền và Hoàng Diệu (giao Trục N4 và N16 cũ)	1.000.000
71.13	Đường Nguyễn Đức Cảnh (Trục N6)	Hàm Nghi (Trục D1)	Tôn Thất Tùng (Trục N7)	1.200.000
		Tôn Thất Tùng (Trục N7)	Y Ngông Niê K'Đăm (Trục N9)	1.200.000
71.14	Đường Tôn Thất Tùng (Trục N7)	Hùng Vương (Quốc lộ 28)	Giao giữa Phan Đình Phùng và Trần Khánh Dư (giao trục N8 và N10 cũ)	1.200.000
71.15	Đường Phan Đình Phùng (Trục N8)	Giao giữa Tôn Thất Tùng và Hoàng Diệu (giao Trục N7 trục N16 cũ)	Y Ngông Niê K'Đăm (Trục N9)	1.200.000
71.16	Đường Y Ngông Niê K'Đăm (Trục N9)	Hùng Vương (Quốc lộ 28)	Đường Phan Đình Phùng (Trục N8)	1.200.000
71.17	Đường Phan Đình Giót (Trục N18)	Tôn Thất Tùng (Trục N7)	Y Nuê (Trục N13)	1.000.000
71.18	Đường Hoàng Văn Thụ (Trục N14)	Nguyễn Đức Cảnh (Trục N6)	Y Ngông Niê K'Đăm (Trục N9)	1.000.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
71.19	Đường Y Nuê (Ái Phương) (trục N13)	Hoàng Văn Thụ (Trục N14)	Y Ngông Niê K'Đăm (Trục N9)	1.000.000
71.20	Đường Ngô Thì Nhậm (Trục N19)	Y Nuê (Trục N13)	Y Ngông Niê K'Đăm (Trục N9)	1.000.000
71.21	Đường Trục N21	Ngô Thì Nhậm (Trục N19)	Phan Đình Phùng (Trục N8)	1.000.000
71.22	Đường Ngô Tất Tố (Trục N23)	Ngô Thì Nhậm (Trục N19)	Y Ngông Niê K'Đăm (Trục N9)	1.000.000
72	Đường Tôn Đức Thắng (Trục Bắc – Nam và một đoạn Hai Bà Trưng cũ)	Đường Nguyễn Tất Thành (Quốc Lộ 14 - Hồ Đại La)	Đường đất (Nhà hàng Dốc Võng)	1.350.000
		Đường đất (Nhà hàng Dốc Võng)	Ngô Mây	1.600.000
		Ngô Mây	Hết đường Bắc Nam đã xây dựng năm 2009	2.100.000
		Hết đường Bắc Nam đã xây dựng năm 2009	Đường ngã 3 đường Chu Văn An	2.000.000
	Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	Võ Thị Sáu	Nguyễn Viết Xuân (đường tổ dân phố 3)	2.100.000
		Nguyễn Viết Xuân (đường tổ dân phố 3)	Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	2.100.000
		Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	Đường 23/3	2.500.000
		Ngã ba Đường lên Sân bay giao với đường Tôn Đức Thắng	Võ Thị Sáu	2.100.000
73	Nguyễn Khuyến	N'Trang Long	Lương Thế Vinh	1.400.000
74	Đường vào Công ty Gia Nghĩa	Đường đất (giáp Bưu điện tỉnh đang xây)	Qua Công ty Gia Nghĩa thông ra đường 23/3	650.000
75	Đường nhựa	Chu Văn An	Lý Tự Trọng	750.000
76	**Khu tái định cư Sùng Đức, phường Nghĩa Tân**			
		Nội các tuyến đường nhựa		700.000
77	**Khu Tái định cư Biên Phòng, phường Nghĩa Tân**			
		Nội các tuyến đường nhựa		300.000
78	**Khu Tái định cư Công an, phường Nghĩa Tân**			
		Nội các tuyến đường nhựa		700.000
79	**Khu Tái định cư Ngân hàng, Phường Nghĩa Tân**			
		Nội các tuyến đường nhựa		650.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
80	**Giáp ranh Khu Tái định cư Sùng Đức và Công An**			
		Từ Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh	Hết đường nhựa	700.000
81	**Khu Tái định cư Đồi Đắk Nur, phường Nghĩa Đức**			
	Nội các Tuyến đường nhựa			850.000
82	Các khu vực còn lại của các phường			
	Đất ở ven các đường nhựa còn lại			350.000
	Đất ở ven các đường đất còn lại thông hai đầu			250.000
	Đất ở ven các đường đất còn lại (đường cụt)			200.000
83	Các khu vực còn lại thuộc các xã			
	Đất ở ven các đường nhựa liên phường (giáp ranh phường)			250.000
	Đất ở ven các đường nhựa liên thôn, liên xã			200.000
	Đất ở ven các đường đất còn lại thông hai đầu			150.000
	Đất ở ven các đường đất còn lại (đường cụt)			100.000

2. Huyện Cư Jút

Đơn vị tính: Đồng/m^2

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
I	**TT EaT'Ling**			
1	Đường Nguyễn Tất Thành			
a	Về phía Đắk Nông	Cửa hàng xe máy Bảo Long	Ngã 5 đường Ngô Quyền	1.800.000
b	Về phía Đắk Lắk	Cửa hàng xe máy Bảo Long	Hết cửa hàng xe máy Lai Hương	2.500.000
		Hết cửa hàng xe máy Lai Hương	Hết cửa hàng xe máy Gia Vạn Lợi	2.000.000
		Hết cửa hàng xe máy Gia Vạn Lợi	Giáp ranh xã Tâm Thắng	1.500.000
2	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã 5 đường Ngô Quyền	Cổng nhà ông Trị (Km0 + 110m)	1.800.000
		Cổng nhà ông Trị (Km0 + 110m)	Cổng phụ vào Nhà máy Điều	1.400.000
		Cổng phụ vào Nhà máy Điều	Ngã 3 đường vào Sao ngàn phương	1.000.000
		Ngã 3 đường vào Sao ngàn phương	Hết ranh giới thị trấn (giáp Trúc Sơn)	450.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
3	Đường Hùng Vương (đường đi Krông Nô)	Ngã 5 đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường Bà Triệu (Cổng thôn Văn hoá khối 4)	1.600.000
		Ngã ba đường Bà Triệu (Cổng thôn Văn hoá khối 4)	Ngã ba đường Nguyễn Du (vào Thác Trinh Nữ)	1.100.000
		Ngã ba đường Nguyễn Du (Vào Thác Trinh Nữ)	Cống vào bãi cát	600.000
		Cống vào bãi cát	Hết ranh giới Thị trấn	300.000
4	Đường Nguyễn Du (vào thác Trinh Nữ)	Km 0 (ngã 3 đường Hùng Vương)	Km 0 + 800m	500.000
		Km 0 + 800m	Cổng thác Trinh Nữ	300.000
5	Đường sinh thái	Từ ngã 3 đường Nguyễn Du	Giáp ranh xã Tâm Thắng	300.000
6	Đường Hai Bà Trưng (vào khối 6)	Ngã 5 đầu đường Hai Bà Trưng	Ngã ba khu tập thể huyện (Cổng nhà ông Hưng)	650.000
		Ngã ba khu tập thể huyện (Cổng nhà ông Hưng)	Ngã ba nhà ông Xế	450.000
		Ngã ba nhà ông Xế	Ngã ba đường Nguyễn Du (vào thác Trinh Nữ)	350.000
7	Đường vào khối 7	Km 0 Quốc lộ 14 (ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành)	Km 0 +130m	650.000
		Km 0 +130m	Hết nhà thờ từ đường họ Phạm	400.000
		Hết nhà thờ từ đường họ Phạm	Hết cống ngã 5 nhà ông Tòng	300.000
		Hết cống ngã 5 nhà ông Tòng	Ngã ba đường sinh thái	250.000
8	Đường Nguyễn Văn Linh (đường đi Nam Dong)	Km 0 Quốc lộ 14 (ngã 4 Nguyễn Tất Thành)	Ngã 3 đường Lê Lợi	1.800.000
		Ngã 3 đường Lê Lợi	Hết trường tiểu học Trần Phú	1.200.000
		Hết trường tiểu học Trần Phú	Ngã 4 đường Phan Chu Trinh	800.000
9	Đường Phan Chu Trinh (đường Tấn Hải)	Km 0 Quốc lộ 14 (Ngã tư Nguyễn Tất Thành)	Cổng trường PTTH Phan Chu Trinh	600.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
10	Đường Phạm Văn Đồng (Khu phố chợ)	Km 0 Quốc lộ 14 (Ngã 4 Nguyễn Tất Thành)	Hết khu phố chợ (Ngã ba đường sau chợ)	1.800.000
		Hết khu phố chợ (ngã 3 đường sau chợ)	Ngã 3 dốc Đá	1.000.000
		Ngã 3 dốc Đá	Cống ngã 5 nhà ông Tòng	400.000
		Ngã 3 dốc Đá	Ngã ba nhà ông Chế	350.000
		Ngã 3 nhà ông Chế	Cống ngã 5 nhà ông Tòng	300.000
11	Đường vào bến xe huyện	Km 0 Quốc lộ 14 (Ngã ba Nguyễn Tất Thành)	Hết khu phố chợ (Ngã ba đường sau chợ)	1.500.000
12	Đường phía sau chợ huyện	Giáp đường vào Bến xe	Ngã ba đường Phạm Văn Đồng	1.200.000
13	Đường nhà ông Khoa	Từ cổng văn hoá khối 7	Ngã ba đường vào khối 7	600.000
14	Đường Ngô Quyền (Vào Trung tâm Chính trị)	Km0 Ngã 5 Nguyễn Tất Thành	Ngã tư đường Y Ngông - Lê Quý Đôn	1.200.000
		Ngã tư đường Y Ngông- Lê Quý Đôn	Ngã ba đường Lê Hồng Phong	700.000
15	Đường Lê Lợi (Đường Lê Lợi)	Km0 Ngã 3 đường Nguyễn Văn Linh	Ngã ba đường Nơ Trang Gưr	400.000
		Ngã ba đường Nơ Trang Gưr	Ngã ba (Bảng quy hoạch)	300.000
16	Đường Lê Hồng Phong (Đường vành đai)	Ngã ba (Bảng quy hoạch)	Ngã ba Sao Ngàn phương	300.000
17	Đường vào Sao ngàn phương	Ngã ba Sao Ngàn phương	Giáp cầu	300.000
18	Đường vào nhà máy điều	Km 0 Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Nhà máy điều (Cổng chính)	300.000
		Km 0 Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Nhà máy điều (Cổng phụ)	200.000
19	Đường Lê Quý Đôn (Tuyến 2 Bon U2)	Ngã ba đường Nguyễn Đình Chiểu (Chùa Huệ Đức)	Ngã tư giáp đường Y Ngông	600.000
20	Đường Y Ngông (Tuyến 2 Bon U2)	Ngã tư giáp đường Lê Quý Đôn	Ngã ba đường Nơ Trang Gưr	600.000
21	Đường Nơ Trang Gưr (Tuyến 2 bon U2)	Ngã ba đường Y Ngông	Ngã ba đường Lê Lợi	400.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
22	Đường Nơ Trang Lơng (Tuyến 2 Bon U1)	Km 0 QL 14 (Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành)	Ngã ba nhà ông Quốc	1.000.000
		Ngã ba nhà ông Quốc	Hết trường Mẫu giáo Ea Tling	700.000
		Hết trường Mẫu giáo Ea Tling	Ngã ba đường Quang Trung	500.000
		Ngã ba đường Quang Trung	Ngã ba Phan Chu Trinh	400.000
23	Đường Bà Triệu (Đường vào khối 4)	Km 0 Ngã ba đường Hùng Vương	Km 0 + 150m (Ngã ba đường Trần Hưng Đạo)	400.000
		Km 0 + 150 m (Ngã ba đường Trần Hưng Đạo)	Km 0 + 400 m (Ngã ba cạnh nhà ông Chính)	350.000
		Km 0 + 400 m (Ngã ba cạnh nhà ông Chính)	Ngã ba đường đội 7	250.000
24	Đường Nguyễn Đình Chiểu (Cạnh Chùa Huệ Đức)	Km0 Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường Lê Hồng Phong	700.000
25	Đường đội 7	Km 0 (Ngã ba đường Trần Hưng Đạo)	Km 0 + 500 m	250.000
26	Đường vào khu tập thể huyện	Ngã ba đường Hai Bà Trưng	Ngã ba đường vào khối 7	350.000
27	Đường Lê Duẩn	Km 0 (Ngã ba Phan Chu Trinh)	Ngã tư nhà ông Sự	350.000
28	Đường Nguyễn Chí Thanh (Cạnh Kiểm lâm)	Ngã ba Nguyễn Văn Linh	Ngã ba đường Lê Duẩn	350.000
29	Đường Quang Trung	Ngã tư Nguyễn Văn Linh (trước mặt nhà ông Trình)	Đập Hồ Trúc	300.000
		Ngã tư Nguyễn Văn Linh (trước mặt nhà ông Trình)	Ngã ba Quang Trung (Nhà ông Hữu)	500.000
		Ngã ba Quang Trung (Nhà ông Hữu)	Ngã tư nhà ông Sự	350.000
		Km 0 (Ngã ba Nguyễn Tất Thành giáp bệnh viện)	Km 0 + 300m	600.000
		Km 0 + 300 m	Giáp ranh Tâm Thắng	400.000
30	Đường vào Nhà rông Bon U3 (Cạnh trụ điện 500Kv)	Km 0 Nguyễn Văn Linh	Km0 + 700 m (Nhà rông Bon U3)	300.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
31	Đường Y Bih Alêô (Tuyến 2 bon U3)	Ngã ba trường dân tộc nội trú	Ngã ba nhà ông Vận	300.000
		Ngã ba nhà ông Vận	Đến đường Phan Chu Trinh	300.000
32	Đường vào khu đồng chua	Km 0 (Ngã ba Nguyễn Tất Thành)	Đường đi thôn 4, 5 xã Tâm Thắng	400.000
33	Đường sau Bệnh viện (cũ)	Giáp đường sau chợ	Giáp đường Quang Trung	400.000
34	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba Trần Hưng Đạo	Giáp đường Lê Hồng Phong	300.000
		Giáp đường Lê Hồng Phong	Đập hồ Trúc	400.000
35	Đường liên TDP 9	Giáp đường Nơ Trang Long (cạnh nhà ông Tuyển)	Giáp đường Phan Chu Trinh	400.000
36	Đất ở các khu dân cư còn lại	Khu trung tâm thị trấn		200.000
		Ngoài trung tâm thị trấn		150.000
II	**Xã Tâm Thắng**			
1	Quốc lộ 14	Ngã ba Tấn Hải (Giáp thị trấn)	Cầu 14	1.000.000
2	Đường đi Nam Dong	Ngã ba Quốc lộ 14	Cổng trường PTTH Phan Chu Trinh	500.000
		Ngã tư Trường PTTH Phan Chu Trinh	Ngã ba hết thôn 9	500.000
		Ngã ba hết thôn 9	Cầu sắt (Giáp ranh Nam Dong)	400.000
3	Đường vào nhà máy đường	Ngã ba Quốc lộ 14	Suối Hương	300.000
4	Đường vào Trường THCS Phan Đình Phùng	Ngã ba Quốc lộ 14	Trường THCS Phan Đình Phùng	300.000
		Trường THCS Phan Đình Phùng	Ngã tư Buôn Ea Pô	200.000
5	Đường bê tông thôn 10	Ngã ba thôn 9	Ngã tư nhà ông Hải	300.000
6	Đường thôn 2 đi thôn 4,5	Ngã ba Quốc lộ 14	Ngã ba nhà ông Đại (Giáp thị trấn)	300.000
		Ngã ba nhà ông Đại (Giáp thị trấn)	Ngã ba hồ câu Đồng Xanh	300.000
7	Đường sinh thái	Ngã ba Quốc lộ 14	Giáp Suối Hương (Khu bộ đội)	350.000
		Giáp Suối Hương (Khu bộ đội)	Giáp ranh thị trấn Ea Tling	300.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
8	Đường Buôn Nui	Ngã ba Quốc lộ 14	Ngã tư nhà ông Việt	300.000
9	Đường Tấn Hải đi Buôn Trum			200.000
10	Đất ở còn lại các trục đường nhánh (Đường bê tông, nhựa) của trục chính			100.000
11	Đất ở các khu dân cư còn lại			80.000
III	**Xã Trúc Sơn**			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới thị trấn	Cổng Công ty Tân Phát	300.000
		Cổng Công ty Tân Phát	Giáp xã Đăk Gằn	150.000
2	Đường đi Cư Knia	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 + 300 m	150.000
		Km 0 + 300 m	Chân dốc Cổng trời	120.000
3	Đường Bê tông thôn 1			100.000
3	Đất ở các khu dân cư còn lại			50.000
IV	**Xã Cư K'Nia**			
1	Đường trục chính	Giáp ranh xã Trúc Sơn	Cổng Văn hoá thôn 1	120.000
		Cổng Văn hoá thôn 1	Nhà ông Tặng	100.000
		Nhà ông Tặng	Hết đất nhà ông Tại	200.000
		Hết đất nhà ông Tại	Cầu Đăk Drông	150.000
2	Đường vào UBND xã	Ngã ba nhà ông Thịnh	Qua Ngã ba nhà ông Nhàn về hai phía + 100 m	150.000
		Cổng Văn hoá thôn 2	Trụ sở UBND xã	100.000
		Ngã ba nhà ông Nhàn + 100m	Cầu Hoà An	80.000
		Cầu Hoà An	Đường vào thôn 9, 10	60.000
3	Đường vào thôn 5, thôn 6	Ngã ba nhà ông Nhàn + 100m	Ngã ba công trình nước sạch	80.000
		Ngã ba công trình nước sạch	Hết đường	60.000
4	Đất ở khu dân cư còn lại			50.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
V	**Xã Nam Dong**			
1	Các trục đường chính	Cầu sắt (Giáp ranh Tâm Thắng)	Cách Ngã ba nhà bà Chín - 100 m	200.000
		Ngã ba nhà bà Chín -100 m	Ngã ba nhà ông Nghiệp - 50 m	250.000
		Ngã ba nhà ông Nghiệp - 50 m	Ngã ba Khánh Bạc - 50 m	400.000
		Ngã ba Khánh Bạc -50m	Ngã ba thôn 5 (Nhà ông Khoán) - 50m	700.000
		Ngã ba thôn 5 (Nhà ông Khoán) -50m	Ngã ba thôn 3 (Nhà ông Lai)+50m	1.500.000
		Ngã ba thôn 3 (Nhà ông Lai)+50m	Ngã tư Minh Ánh-50m	800.000
		Ngã tư Minh Ánh-50 m	Ngã ba phân trường thôn 1 - 50 m	600.000
		Ngã ba phân trường thôn 1-50 m	Giáp ranh xã Ea Pô	400.000
1.1	Đường đi buôn Tia	Ngã ba nhà bà Chín	Ngã tư Đức Lợi	150.000
1.2	Đường đi Đắk Drông (A)	Km 0 (ngã ba Khánh Bạc)	Km 0 + 100 m	600.000
		Ngã ba Khánh Bạc + 100m	Ngã tư tuyến 2 thôn 10, thôn 6	400.000
		Ngã tư tuyến 2 thôn 10, thôn 6	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	300.000
		Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáp ranh xã Đắk Drông	250.000
1.3	Đường đi Đắk Drông (B)	Km 0 (Ngã ba nhà ông Khoán)	Km 0 + 100m	600.000
		Ngã ba nhà ông Khoán + 100 m	Ngã ba tuyến 2 thôn 6	400.000
		Ngã ba tuyến 2 thôn 6	Hết khu dân cư thôn 5	200.000
		Hết khu dân cư thôn 5	Giáp ranh xã Đắk Drông	130.000
1.4	Đường đi xã Tâm Thắng	Ngã tư chợ Nam Dong	Nhà ông Chiểu	700.000
		Nhà ông Chiểu	Cổng vào chùa Phước Sơn	300.000
1.5	Đường đi xã Đắk Wil	Ngã tư chợ Nam Dong	Ngã ba tuyến 2 thôn Trung Tâm	700.000
		Ngã ba tuyến 2 thôn Trung Tâm	Ngã ba nhà ông Quýnh + 50m	500.000
		Ngã ba nhà ông Quýnh + 50 m	Hết đường thôn 4	300.000
		Hết đường thôn 4	Giáp ranh Đắk Wil	150.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
2	Đường vào Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	Ngã ba thôn ba (Nhà ông Lai)	Cổng trường Tiểu học Lương Thế Vinh	200.000
		Cổng trường Tiểu học Lương Thế Vinh	Ngã ba nhà ông Sơn	130.000
		Ngã ba nhà ông Sơn	Ngã ba nhà ông Chiến thôn 2	120.000
		Ngã ba nhà ông Sơn	Nhà ông Hoè	100.000
3	Đường đi Thác Drayling	Ngã tư Minh Ánh	Ngã ba nhà ông Nhạ	200.000
		Ngã ba nhà ông Nhạ	Cầu ông Thái	130.000
		Cầu ông Thái	Buôn Nui	100.000
4	Đường đi thôn 16	Ngã ba ông Nhạ	Ngã ba nhà ông Nhân	130.000
		Ngã ba nhà ông Nhân	Ngã ba nhà ông Chiến	100.000
5	Toàn bộ tuyến hai thôn 6			180.000
6	Toàn bộ tuyến hai thôn 10			130.000
7	Toàn bộ tuyến hai thôn 13			150.000
8	Toàn bộ tuyến 2 thôn Trung Tâm (Sau UBND xã)			250.000
9	Đường đi thôn 12	Cổng chùa Phước Sơn	Ngã ba vườn Điều	150.000
		Ngã ba vườn Điều	Giáp ranh xã Tâm Thắng	130.000
		Ngã ba vườn Điều	Ngã ba nhà ông Coóng	100.000
10	Toàn bộ tuyến 2 thôn 1, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn Tân Ninh			130.000
11	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá, thôn buôn	Cầu sắt	Ngã ba nhà ông Nghiệp	100.000
		Ngã ba nhà ông Nghiệp	Ngã ba Khánh Bạc	130.000
		Ngã ba Khánh Bạc	Ngã ba thôn 3 (Nhà ông Lai)	150.000
		Ngã ba thôn 3 (Nhà ông Lai)	Ngã tư Minh Ánh	140.000
		Ngã ba thôn 2	Ngã ba phân trường thôn 1	130.000
		Ngã ba phân trường thôn 1	Giáp ranh xã Ea Pô	100.000
		Ngã ba Khánh Bạc	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	130.000
		Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáp ranh xã Đắk Drông	100.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
12	Đất ở các khu dân cư còn lại			80.000
VI	**Xã Đắk Drông**			
1	Trục đường chính	Giáp ranh Nam Dong	Cầu thôn 2	200.000
		Cầu thôn 2	Cách tim cổng chợ 200m	300.000
		Tim cổng chợ về hai phía, mỗi phía 200m		600.000
		Cách tim cổng chợ 200m	Ranh giới thôn 5, thôn 6	300.000
		Ranh giới thôn 5, thôn 6	Cách cổng UBND xã 500 m	200.000
		Cổng UBND xã về hai phía mỗi phía 500 m		300.000
		Cách cổng UBND xã 500 m	Cách ngã tư thôn 14, 15 trừ 200 m	200.000
		Cách ngã tư thôn 14, thôn 15 về ba phía mỗi phía 200 m		300.000
		Cách ngã tư thôn 14, 15 cộng 200m	Đường UBND xã đi Quán Lý	120.000
		Cách ngã tư thôn 14, 15 cộng 200m	Ngã ba nhà Ông Hoà	120.000
		Ngã tư thôn 14, 15	Cầu thôn 15	200.000
		Cầu 15	Cầu Suối Kiều	150.000
2	Đường đi Quán Lý	Km 0 (UBND xã)	Km 0 + 200m	150.000
		Km 0 + 200 m	Cách ngã ba Quán Lý trừ 100m	100.000
		Từ trung tâm ngã ba Quán Lý về 3 phía, mỗi phía 100 m		150.000
		Từ ngã ba Quán Lý + 100 m	Giáp ranh xã Đắk Wil	100.000
		Từ ngã ba Quán Lý + 100 m	Giáp ranh xã Nam Dong	100.000
3	Đường đi Cư Knia	Ngã ba chợ (Nhà ông Thắng)	Hết khu Kiốt chợ	200.000
		hết Khu Kiốt chợ	Hết khu Ki ốt chợ + 500 m (Về phía cầu Cư Knia)	100.000
		Hết Khu ki ốt chợ + 500 m	Cầu Cư Knia	80.000
4	Đường đi lòng hồ	Ngã ba thôn 10	Cầu thôn 11	120.000
		Cầu thôn 11	Bờ đập lòng hồ	100.000
		Bờ đập lòng hồ	Hết thôn 20	80.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
5	Đường đi thôn 17	Ngã hai thôn 16 (Nhà ông Lâm)	Ngã ba nhà ông Đội (Thôn 17)	100.000
		Ngã ba nhà ông Đội (Thôn 17)	Giáp ranh xã Đắk Wil	80.000
6	Đường đi thôn 19	Ngã ba C4 (Nhà ông Định)	Trường học thôn 19	100.000
7	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá chính vào thôn buôn			70.000
8	Đất ở các khu dân cư còn lại			50.000
VII	**Xã Ea Pô**			
1	Trục đường chính (Đường nhựa)	Ranh giới xã Nam Dong	Nhà ông Lữ Xuân Điện	300.000
		Nhà ông Lữ Xuân Điện	Ngã ba Trạm Y tế xã	600.000
		Ngã ba Trạm Y tế xã	Ngã ba thôn 7	400.000
		Ngã ba thôn 7	Ranh giới xã Đắk Wil	250.000
2	Trục đường chính (Đường đất, đường đi Buôn Nui)	Ngã tư thôn 2	Ngã ba nhà ông Lộc	200.000
		Ngã ba nhà ông Lộc	Đường đi Buôn Nui (Ngã ba cây Mít)	80.000
3	Đường trục chính đi thôn Buôn Nui (Nam Dong đi Buôn Nui)	Ranh giới xã Nam Dong	Mốc địa giới ba mặt bờ sông	60.000
4	Đường đi thôn Trung Sơn	Ngã ba nhà ông Lộc	Ngã tư thôn Trung Sơn	150.000
		Ngã tư thôn Trung Sơn	Ngã ba nhà ông Tuất	100.000
5	Đường đi thác Linda	Ngã ba trạm y tế xã (Thôn 4)	Ngã ba thôn Phú Sơn	150.000
6	Đường đi Suối Tre	Ngã ba thôn 7	Ngã ba nhà ông Tuất	150.000
		Ngã ba nhà ông Tuất	Suối Tre	80.000
7	Đường Thanh Xuân đi thôn Tân Tiến	Ngã ba Thanh Xuân (Km0 đường đi Đắk Wil)	Ngã tư Tân Tiến (Km0 đường đi Đắk Wil)	100.000
8	Đường đi thôn Hợp Thành	Ngã ba thôn Hợp Thành	Hết nhà ông Nghiệp	100.000
9	Đường đi Ngã sáu	Từ nhà ông Tài	Hết Ngã 6	80.000
		Hết Ngã 6	Đường vào khu ba tầng	60.000
10	Đường đi thôn 6	Km 0 (Ngã tư thôn 2)	Km 0 + 150 m (Nhà ông Chất)	150.000
		Km 0 + 150 m (Nhà ông Chất)	Hết khu dân cư	100.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
11	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá chính vào thôn, buôn			60.000
12	Khu Tái định cư Cồn Dầu			50.000
13	Khu Tái định cư Thuỷ điện Sêrêpôk 3			50.000
14	Đất ở khu dân cư còn lại			50.000
VIII	**Xã Đắk Wil**			
1	Trục đường chính (Đường nhựa)	Km 0 (Cổng chợ Đắk Wil) về hai phía, mỗi phía 150m		500.000
		Km 0 + 150 m	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	300.000
		Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	Cách ngã ba (Nhà ông Dục - 50 m)	150.000
		Cách ngã ba (Nhà ông Dục - 50 m)	Cách ngã ba nhà ông Dục + 50 m	200.000
		Cách ngã ba nhà ông Dục + 50 m	Giáp ranh xã Ea Pô	150.000
		Ngã ba nhà ông Dục	Hết ngã 6	80.000
		Km 0 + 150m	Bưu điện Văn hoá xã	300.000
		Bưu điện Văn hoá xã	Ngã ba nhà ông Thạch	200.000
		Ngã ba nhà ông Thạch	Hết thôn 9	80.000
		Ngã ba chợ	Ngã ba thôn Hà Thông, Thái Học	200.000
		Ngã ba thôn Hà Thông, Thái Học	Giáp Đắk Drông	100.000
2	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá chính vào thôn, buôn			60.000
3	Đất ở khu dân cư còn lại			50.000

3. Huyện Đắk G’Long

Đơn vị tính: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
I	**Xã Quảng Khê**			
1	Đường Quốc lộ 28	Km 0 (Ngã 5 Lâm trường Quảng Khê) về hướng thị xã Gia Nghĩa	Ngã ba đường vào Thủy điện Đồng Nai 4 - Trạm Y tế xã Quảng Khê	750.000
		Ngã ba đường vào Thủy điện Đồng Nai 4 - Trạm Y tế xã Quảng Khê	Ngã ba đường vào Bon Phi Mur	550.000
		Ngã ba đường vào Bon Phi Mur	Cây xăng thôn 2 (Km 0) + 50 m	450.000
		Cây xăng thôn 2 (Km 0) + 50 mét	Km 0 + 200 m	200.000
		Km 0 + 200 m	Giáp ranh xã Đắk Nia	150.000
		Km 0 Ngã 5 Xí nghiệp lâm nghiệp Quảng Khê	Ngã ba trục đường số 8	800.000
		Ngã ba trục đường số 8	Ngã ba Quốc lộ 28 đường vào khu nhà công vụ huyện	750.000
		Ngã ba Quốc lộ 28 đường vào khu nhà công vụ huyện	Ngã ba đường vào xưởng đũa (Km 0 - đường vào thôn 7)	700.000
		Ngã ba đường vào xưởng đũa (Km 0 - đường vào thôn 7)	Km 0 + 100 m	500.000
		Km 0 + 100 mét	Ngã 3 đường vào tái định xã Đắk Plao	300.000
		Ngã 3 đường vào tái định cư xã Đắk Plao	Suối cây Lim	200.000
		Suối cây Lim	Ngã ba Thuỷ điện Đồng Nai 3 (Km 0 - 400 m)	150.000
		Ngã 3 Thuỷ điện Đồng Nai 3 (Km 0)	Hướng về 2 phía 400 m	200.000
		Km 0 + 400 m	Giáp ranh xã Đắk Som	150.000
2	Đường đi Thôn 1	Km 0 (Ngã 5 Lâm trường Quảng Khê)	Km 0 + 100 m	500.000
		Km 0 + 100 m	Ngã 3 giao nhau với đường số 2 (đường 33 m)	350.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
3	Đường số 2 (đường 33 m, trọn đường)	Ngã ba Quốc lộ 28 đường vào khu nhà công vụ huyện	Ngã ba giao nhau giữa đường số 2 và đường số 8	500.000
4	Đường số 8 (đường 45 m, trọn đường)	Ngã ba giao nhau giữa Quốc lộ 28 và đường số 8	Ngã ba giao nhau giữa đường số 8 và đường số 2	500.000
5	Đường đi vào Thôn 7 (vào Bến xe)	Ngã ba đường vào xưởng đũa cũ hướng đường vào thôn 7 (Km 0)	Km 0 + 500 m	400.000
		Km 0 + 500 m	Km 01	250.000
6	Đường vào Đập Nao Kon Đơi	Ngã ba giao nhau giữa Quốc lộ 28 và đường rải nhựa vào Đập Nao Kon Đơi (Km 0)	Km 0 + 100 m	300.000
		Km 0 + 100 m	Hết Đập tràn Nao Kon Đơi	200.000
7	Đường vào Trường PTCS Nguyễn Du	Km 0 (Ngã 5 Lâm trường Quảng Khê)	Hết đường rải nhựa (Hết Trường PTCS Nguyễn Du)	400.000
8	Đường vào Thuỷ điện Đồng Nai 4	Ngã ba đường vào Thủy điện Đồng Nai 4 - Trạm Y tế xã Quảng Khê	Ngã ba đường vào Bệnh viện huyện (Km 0)	350.000
		Km 0	Km 01	250.000
		Km 01	Công trình Thuỷ điện Đồng Nai 4	200.000
9	Đường vào Bệnh viện huyện	Ngã ba đường vào Bệnh viện huyện	Bệnh viện huyện	200.000
		Bệnh viện huyện	Ngã ba đường 135	150.000
10	Đường vào Thôn 4	Km 0 (Ngã 5 Lâm trường Quảng Khê)	Km 0 + 200 m	250.000
11	Đường vào khu Tái định cư Đắk Plao	Ngã ba Đường vào khu Tái định cư Đắk Plao (Km0)	Km 0 + 300 m	300.000
		Km 0 + 300 m	Bon Cây xoài	200.000
		Bon Cây xoài	Giáp ranh xã Đắk Plao	150.000
12	**Khu định cư công nhân viên chức**			
12.1	Đường D1 (Đường vào thuỷ điện Đồng Nai 4)	Bên phải đường hướng đi thuỷ điện Đông nai 4 từ Km 1 đến km 1 + 370 m	Trọn đường	300.000
12.2	Đường D2 (mặt đường rộng 6 m)		Trọn đường	200.000
12.3	Đường D3 (mặt đường rộng 6 m)		Trọn đường	200.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
12.4	Đường D4 (mặt đường rộng 6 m)		Trọn đường	200.000
12.5	Đường N1 (mặt đường rộng 14 m)		Trọn đường	220.000
12.6	Đường N2 (mặt đường rộng 6 m)		Trọn đường	200.000
12.7	Đường N3 (mặt đường rộng 6 m)		Trọn đường	200.000
12.8	Đường N4 (mặt đường rộng 14 m)		Trọn đường	220.000
12.9	Đường N5 (mặt đường rộng 6 m)		Trọn đường	200.000
13	**Khu tái định cư B**			
13.1	Đường D1 (mặt đường 1-1 rộng 17,5 m)		Trọn đường	250.000
13.2	Đường D2 (mặt đường 1-1 rộng 17,5 m)		Trọn đường	250.000
13.3	Đường N1 (mặt đường 2-2 rộng 9,5 m)		Trọn đường	220.000
13.4	Đường N2 (mặt đường 2-2 rộng 9,5 m)		Trọn đường	220.000
13.5	Đường N3 (mặt đường 2-2 rộng 9,5 m)		Trọn đường	220.000
13.6	Đường N4 (mặt đường 2-2 rộng 9,5 m)		Trọn đường	220.000
14	Đất ven các đường rải nhựa còn lại >=3,5 m			200.000
15	Đất ở các đường liên Thôn cấp phối >= 3,5 m			150.000
16	Đất ở các đường liên Thôn không cấp phối >= 3,5 m			120.000
17	Đất ở các khu dân cư còn lại			80.000
II	**Xã Quảng Sơn**			
1	Tỉnh lộ 4	Giáp ranh xã Đăk Ha	Đỉnh dốc 27	150.000
		Đỉnh dốc 27	Đỉnh dốc 27 + 100 m	200.000
		Đỉnh dốc 27 + 100 m	Cột mốc 31 Tỉnh lộ 4	250.000
		Cột mốc 31 Tỉnh lộ 4	Cột mốc 31 Tỉnh lộ 4 + 100 m	300.000
		Cột mốc 31 Tỉnh lộ 4 + 100 mé	Cột mốc 31 Tỉnh lộ 4 + 200 m	350.000
		Cột mốc 31 Tỉnh lộ 4 + 200 m	Ngã ba đường vào Thôn 2 (Km 0)	400.000
		Ngã ba đường vào Thôn 2 (Km 0)	Km 0 + 100 m	450.000
		Km 0 + 100 m	Km 0 + 200 m	500.000
		Km 0 + 200 m	Ngã ba đường đi xã Đăk R'măng	550.000
		Km 0 (Ngã ba đường đi xã Đăk R'măng hướng về Quảng Phú) + 500 m		500.000
		Km 01	Km 01 + 100 m	400.000
		Km 01 + 100 m	Km 01 + 200 m	200.000
		Km 01 + 200 m	Giáp ranh huyện Krông Nô	150.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
2	Đường đi thôn 2	Đường nhựa khu đất đấu giá (trọn đường)		500.000
		Ngã ba đường nhựa vào Thôn 2 (Km 0)	Km 0 + 100 m hướng đường nhựa	400.000
		Ngã ba đường cấp phối vào Thôn 2	Ngã tư Bưu điện xã	400.000
		Ngã tư Bưu điện xã đến Ngã tư đường đi xã Đắk R'măng (đường sau UBND xã và C.Ty Lâm nghiệp Quảng Sơn)		500.000
		Ngã tư Bưu điện xã	Ngã ba chợ Quảng Sơn (Quán cơm Hồng Anh)	350.000
		Ngã ba chợ Quảng Sơn (Quán cơm Hồng Anh)	Ngã ba đường sau UBND xã và Công ty Lâm nghiệp Quảng Sơn	500.000
		Ngã ba chợ Quảng Sơn (Quán cơm Hồng Anh)	Ngã ba đường đi xã Đắk R'măng	500.000
3	Đường đi thôn 3A	Ngã ba đường đi xã Đắk R'măng (Km 0) (Đồn Công an Quảng Sơn)	Km 0 + 150 m	500.000
		Km 0 + 150 m	Km 0 + 250 m	450.000
		Km 0 + 250 m	Ngã ba giáp đường Tỉnh lộ 4	250.000
		Ngã ba (Quán cà phê Thư Giãn)	Ngã ba giáp đường Tỉnh lộ 4	250.000
4	Đường đi xã Đắk Rmăng	Ngã ba đường đi xã Đắk R'măng	Ngã ba đường vào Thôn 1A	550.000
		Ngã ba đường vào Thôn 1A	Ngã ba đường vào Thôn 1A + 100 m (Hướng đường vào Thôn 1 C)	430.000
		Ngã ba đường vào Thôn 1A + 100 m (Hướng đường vào Thôn 1 C)	Đường vào Thôn 1C	280.000
		Đường vào Thôn 1C	Xưởng đũa cũ	240.000
		Xưởng đũa cũ	Xưởng đũa cũ + 100 m (Hướng về Đắk R'măng)	150.000
		Xưởng đũa cũ + 100 m (Hướng về Đắk R'măng)	Giáp ranh xã Đắk R'măng	100.000
5	Đất ở các đường rải nhựa liên thôn			240.000
6	Đất ở các đường liên Thôn, Buôn khác cấp phối >= 3,5 m (không rải nhựa)			100.000
7	Đất ở các khu vực còn lại khác			80.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
III	**Xã Quảng Hòa**			
1	Đường rải nhựa trung tâm xã	Từ Trụ sở UBND xã (Km 0) về hai phía, mỗi phía 500 mét		250.000
		Km 0 + 500 m (Về hướng tỉnh Lâm Đồng)	Ngã ba đường đi Đắk Ting	200.000
		Ngã ba đường đi Đắk Ting	Hết đường rải nhựa	120.000
		Km 0 + 500 m (Về hướng xã Quảng Sơn)	Ngã ba đường vào Thôn 6	150.000
		Ngã ba đường vào Thôn 6	Ngã ba đường vào Thôn 6 + 200 m	180.000
		Ngã ba đường vào Thôn 6 + 200 m	Giáp ranh xã Quảng Sơn	80.000
2	Đường cấp phối >= 3,5 m			60.000
3	Đất ở các khu vực còn lại khác			50.000
IV	**Xã Đắk Ha**			
1	Tỉnh lộ 4	Cột mốc số 067 Tỉnh lộ 4 (Giáp ranh Thị xã)	Cột mốc số 9 Tỉnh lộ 4	300.000
		Cột mốc số 9 Tỉnh lộ 4	Ngã ba đường vào Trạm Y tế xã	200.000
		Ngã ba đường vào trạm Y tế xã	Cột mốc số 16 Tỉnh lộ 4 (Bờ hồ)	250.000
		Cột mốc số 16 Tỉnh lộ 4 (Bờ hồ)	Ngã ba đường rải nhựa 135	500.000
		Ngã ba đường rải nhựa 135	Ngã ba đường vào bãi đá (Km 0)	400.000
		Ngã ba đường vào bãi đá (Km 0)	Km 0 + 800 m (Hướng về phía Quảng Sơn)	250.000
		Km 0 + 800 m (Hướng về phía Quảng Sơn)	Km 01 (Hướng về phía Quảng Sơn)	200.000
		Km 01 (Hướng về phía Quảng Sơn)	Giáp ranh xã Quảng Sơn	150.000
2	Đất ở các đường liên Thôn, Bon, Buôn đã rải nhựa			200.000
3	Đất ở các đường liên Thôn, Bon, Buôn cấp phối >=3,5 m)			100.000
4	Đất ở các đường liên Thôn, Bon, Buôn không cấp phối >=3,5 m)			80.000
5	Đất ở các khu vực còn lại khác			50.000
V	**Xã Đắk R'măng**			
1	Từ Trụ sở UBND xã về hai phía, mỗi phía 500 m			120.000
2	Đường đi thôn 3	Ngã ba đường đi Quảng Sơn (Km 0)	Km 0 + 200 m	100.000
		Km 0 + 200 m	Trường dân tộc bán trú xã Đắk R'măng	70.000
3	Các trục đường nhựa khác >=3,5 m còn lại			70.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
4	Đất ở các khu vực còn lại			50.000
VI	**Xã Đắk Som**			
1	Đường Quốc lộ 28	Km 0 (Cổng trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi về 2 phía, mỗi phía 500 m)		400.000
		Km 0 + 500 m (Hướng đi lòng hồ thuỷ điện Đồng Nai 3)	Đường vào Thôn 5	300.000
		Đường vào Thôn 5	Hết đường có rải nhựa Quốc lộ 28	250.000
		Hết đường có rải nhựa Quốc lộ 28	Hết đường có rải nhựa Quốc lộ 28 thuộc địa giới hành chính xã Đắk Som	150.000
		Km 0 + 500 m (hướng về Quảng Khê)	Ngã ba đường vào Bon B'Sréa	250.000
		Ngã ba đường vào Bon B'Sréa	Ngã ba đường đi Đắk Nang	200.000
		Ngã ba đường đi Đắk Nang	Giáp ranh xã Quảng Khê	150.000
2	Đường vào thôn 5	Ngã ba Quốc lộ 28 đi vào thôn 5	Hết đường rải nhựa	150.000
3	Đường vào Bon B`Sréa	Ngã ba Quốc lộ 28 đi Bon B`Sréa (đầu Bon)	Chân Đập Bon B'Sréa	200.000
		Chân Đập Bon B'Sréa	Ngã ba Quốc lộ 28 đi Bon B`Sréa (cuối Bon)	100.000
4	Các trục đường nhựa khác >=3,5 mét còn lại			100.000
5	Đất ở các đường liên Thôn cấp phối mặt đường >= 3,5 m			80.000
6	Đất ở các khu vực còn lại khác			50.000
VII	**Xã Đắk Plao**			
1	Đường vào Tái định cư xã Đắk Plao	Giáp ranh xã Quảng Khê	Hết đường T10	150.000
		Các trục đường từ T1 đến T10 (Trọn đường)		100.000
2	Đất ở các tuyến đường liên thôn cấp phối >=3,5m			70.000
3	Đất ở các khu vực còn lại khác			50.000

4. Huyện Đắk Mil

Đơn vị tính: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
I	**TT. Đắk Mil**			
1	Đường Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết ngã 3 đường Trần Phú	2.400.000
		Đường Trần Phú	Hết Trường Nguyễn Tất Thành	2.000.000
		Trường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh xã Đắk Lao	1.500.000
2	Đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 14)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết ngã 3 đường N'Trang Long	2.400.000
		Ngã 3 đường Nơ Trang Long	Hết ngã ba Đường Hoàng Diệu	1.700.000
		Ngã ba Đường Hoàng Diệu	Hết hạt Kiểm Lâm	1.200.000
		Hạt Kiểm Lâm	Giáp ranh xã Đắk lao	900.000
3	Đường Nguyễn Chí Thanh (Quốc lộ 14C)	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết Trường Nguyễn Chí Thanh	1.200.000
		Trường Nguyễn Chí Thanh	Hết trụ sở UBND xã Đắk Lao	800.000
		Trụ sở UBND xã Đắk Lao	Giáp ranh xã Đắk Lao	500.000
4	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ngã 3 đường Đinh Tiên Hoàng	1.400.000
		Ngã ba đường Đinh Tiên Hoàng	Hết ngã 3 Lê Duẩn - Hai Bà Trưng	1.100.000
		Ngã 3 Lê Duẩn - Hai Bà Trưng	Giáp ranh xã Đức Minh	900.000
5	Đường Hùng Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngã ba đường Nguyễn Khuyến	1.500.000
		Ngã ba đường Nguyễn Khuyến	Hết ngã ba đường Hùng Vương đi Trường cấp III (nhà thầy Văn)	1.100.000
		Ngã ba đương Hùng Vương đi Trường cấp III (nhà thầy Văn)	Hết ngã ba đường Hùng Vương - Lê Duẩn	750.000
6	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết cổng trường Trần Phú	1.300.000
		Cổng trường Trần Phú	Hết ngã 3 đường Trần Phú - Trần Nhân Tông	800.000
		Ngã 3 đường Trần Phú - Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Chí Thanh	500.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
7	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Đường Lý Thượng Kiệt	500.000
8	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Phú	Hết địa phận Thị trấn	400.000
9	Đường Nguyễn Du	Đường Hùng Vương	Ngã tư nhà bà Trang	1.100.000
		Ngã tư nhà bà Trang	Hết địa phận Thị trấn	1.000.000
10	Các đường đấu nối với đường Nguyễn Du	Km 0 (Đường Nguyễn Du)	Km 0+100 m (Mỗi bên 100m)	400.000
11	Đường phân lô khu tái định cư TDP 5 đấu nối với đường Nguyễn Du			500.000
12	Đường phân lô khu tái định cư TDP 5 không đấu nối với đường Nguyễn Du			400.000
13	Đường N’Trang Lơng	Đường Trần Hưng Đạo	Hết nhà trẻ Hoạ My	1.000.000
		Nhà trẻ Hoạ My	Hết ngã 3 đường đi Trường Nguyễn Chí Thanh	700.000
		Đường Đi Trường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	500.000
14	Đường TDP 11	Đường Nguyễn Chí Thanh	Ngã 3 đường N’Trang Lơng	400.000
15	Đường Lý Thái Tổ	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Lợi	450.000
16	Đường nối TDP 3 đi TDP 6	Đường Ngô Gia Tự (Nhà bà Sự)	Đường Lê Lợi	450.000
17	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thường Kiệt	500.000
18	Đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thường Kiệt	500.000
19	Đường Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thường Kiệt	550.000
20	Đường Quang Trung	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thường Kiệt	800.000
		Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Duẩn	650.000
21	Đường khu chung cư 301 đấu nối với đường Trần Hưng Đạo	Km 0 (Đường Trần Hưng Đạo)	Km 0 +200 m	1.000.000
		Km0 +200m	Đường bờ Hồ Tây	800.000
22	Các đường Tổ dân phố 13 đấu nối với đường Trần Hưng Đạo	Km 0 (Đường Trần Hưng Đạo)	Km 0 +100 m	500.000
		Km 0 +100 m	Trên 100 m	400.000
23	Các đường TDP 13 không đấu nối với đường Trần Hưng Đạo			400.000
24	Đường Hoàng Diệu	Đường Trần Hưng Đạo	Hết Hội trường TDP16	700.000
		Hội trường TDP 16	Hội trường TDP 16 + 300m	450.000
		Hội trường TDP 16 + 300m	Đường N’Trang Lơng	300.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
25	Đường từ Hạt Kiểm Lâm đi Buôn Sari	Km0 (Trần Hưng Đạo)	Km0 + 400m	400.000
26	Các đường còn lại của TDP 16			200.000
27	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Trần Phú	1.100.000
28	Đường Vào Chợ Thị Trấn	Ngã 3 đường Trần Nhân Tông, cổng chợ phía Tây	Đường Trần Phú	1.000.000
29	Đường vào TDP 15	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết trường Mẫu giáo Hướng Dương	400.000
		Đường Nguyễn Tất Thành	Hết cơ quan huyện đội	400.000
30	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Duẩn	Đường Quang Trung	700.000
		Đường Quang Trung	Đường Lê Lợi	
		+ Phía cao		700.000
		+ Phía thấp		500.000
31	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Duẩn	Đường Hùng Vương	700.000
32	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Lê Duẩn	Đường Hùng Vương	700.000
33	Các đường còn lại của TDP 7, 8 nối với đường Lê Duẩn hoặc đường Hai Bà Trưng			500.000
34	Các đường còn lại của TDP 7 ,8			300.000
35	Đường Hai Bà Trưng	Trọn đường		600.000
36	Đường Võ Thị Sáu	Trọn đường		600.000
37	Đường Đinh Tiên Hoàng	Km 0 (đường Lê Duẩn)	Km 0+200 m	800.000
		Km 0+200 m	Km 0+450 m	600.000
		Km 0+450 m	Hết ranh giới thị trấn Đắk Mil	500.000
38	Đường TDP 09 (phía đông Bệnh viện)	Nhà ông Tấn	Hết Bệnh viện (Nhà ông Nam)	500.000
39	Đường Phan Bội Châu	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Viết Xuân	600.000
		Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Lý Thường Kiệt	400.000
40	Đường Nguyễn Trãi	Trọn đường		400.000
41	Đường Hoàng Văn Thụ	Trọn đường		350.000
42	Đường Nguyễn Viết Xuân	Trọn đường		300.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
43	Đường Tổ dân phố 1	Nhà ông Liêu	Đường Quang Trung	500.000
		Đường Nguyễn Tất Thành (nhà ông Hùng Mai)	Nhà ông Chỉnh (hết trường Nội Trú)	500.000
44	Đường tổ dân phố 1 đi TDP 9	Đường Quang Trung	Ngã 3 Phan Bội Châu (nhà ông Sự)	400.000
45	Đường TDP 01 đấu nối với Đường Nguyễn Tất Thành vào mỗi bên 100m			400.000
46	Các đường còn lại của Tổ dân phố 01			300.000
47	Các đường TDP 12 đấu nối với Đường Trần Hưng Đạo vào 100m			400.000
48	Đường Khu dân cư trường Nguyễn Đình Chiểu không đấu nối với đường Trần Hưng Đạo			350.000
49	Đường TDP 04	Đường Trần Nhân Tông	Hẻm (nhà ông Bảy Mai)	400.000
50	Đường TDP 04 (nhà bảy Mai) nối với Đường Nguyễn Tất Thành vào 200m			400.000
51	Các đường còn lại của TDP 3, TDP6			400.000
52	Đường TDP 03, TDP 6 đấu nối với Đường Nguyễn Tất Thành vào 200m			400.000
53	Đường vành đai hồ tây (TDP 13)	Từ Hoa viên	Ngã ba đường Bà Triệu	1.000.000
		Ngã ba đường Bà Triệu	Hết đường vành đai Hồ Tây TDP13	700.000
54	Đường vành đai Hồ Tây (TDP 5)			500.000
54	Đường Nơ Trang Gul			400.000
55	Đất khu dân cư còn lại			250.000
II	**Xã Đắk Gằn**			
1	Quốc lộ 14	Giáp ranh huyện Cư Jút	Hết dốc võng (nhà ông Vũ Văn Hoành)	120.000
		Dốc võng (nhà ông Vũ Văn Hoành)	Ngã 3 Trạm Y tế	140.000
		Ngã 3 Trạm Y tế	Hết trường Hoàng Văn Thụ	180.000
		Trường Hoàng Văn Thụ	Giáp nhà ông Hồ Ngọc Minh	
		Nhà ông Hồ Ngọc Minh	Giáp xã Đắk R'la	150.000
2	Đường nội bon Đắk Láp	Nhà ông Phan Minh Cảnh	Hết nhà ông Y Ten	100.000
		Nhà ông Phạm Văn Mãi	Hết nhà ông Võ Tá Lộc	90.000
		Nhà ông Nguyễn Duy Biên	Hết nhà ông Y Eng	90.000
		Các đường ngang của bon Đắk Láp		90.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
3	Đường nội 3 bon Đắk Krai, Đắk Srai, Đắk Gằn	Trường mẫu giáo Hoa Pơ Lang	Hết nhà ông Nguyễn Xuân Quang	100.000
		Nhà Văn Hóa cộng đồng 3 bon	Hết nhà ông Mai Thái	90.000
		Trạm Y tế	Hết nhà ông Y Sắt	90.000
4	Đường ngang 3 bon			
5	Đường cấp phối thôn Trung Hòa - Sơn Thượng - Sơn Trung			100.000
6	Các đường đấu nối với Quốc lộ 14	Km0 (Quốc lộ 14)	Km 0+300 m	100.000
7	Các đường đã trải nhựa			100.000
8	Đất khu dân cư còn lại			80.000
III	**Xã Đức Mạnh**			
1	Quốc lộ 14	Giáp xã Đắk Lao (Hạt đường bộ)	Hết nhà ông Đức (thôn Đức Tân)	650.000
		Hết nhà ông Đức (thôn Đức Tân)	Đường vào trường Lê Quý Đôn	450.000
		Đường vào trường Lê Quý Đôn	Hết HTX Mạnh Thắng	650.000
		HTX Mạnh Thắng	Hết trường Phan Bội Châu	300.000
		Trường Phan Bội Châu	Giáp ranh giới xã Đắk N'Drót, xã Đắk R'la	170.000
2	Tỉnh Lộ 682	Ngã 3 Đức Mạnh	Ngã 3 đường vào nghĩa địa Bác Ái (Đức Hiệp)	450.000
		Ngã 3 đường vào nghĩa địa Bác Ái (Đức Hiệp)	Cầu Đức Lễ (cũ)	250.000
		Cầu Đức Lễ (cũ)	Ngã 3 Thọ Hoàng (đi Đắk Sắk)	400.000
3	Đường vào Đức Lệ	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 + 300 m	200.000
		Km 0 + 300m	Cầu Đức Lễ (mới)	170.000
		Cầu Đức Lễ (mới)	Giáp ranh giới xã Đức Minh	250.000
4	Đường đập Y Ren thôn Đức Nghĩa	Km0 (Quốc lộ14)	Km0 + 300m	150.000
5	Đường Nghĩa Địa Vinh Hương, Đức Nghĩa, Đức Vinh	Km0 (Quốc lộ14)	Km0 + 300m	150.000
6	Đường Bà Tợi thôn Đức Vinh	Km 0 (Quốc lộ14)	Km0 + 300m	150.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
7	Đường Nghĩa Địa Bắc Ai thôn Đức Trung - Đức Ái	Km 0 (Quốc lộ14)	Km0 + 300m	150.000
8	Đường Trường Phan Bội Châu thôn Đức Phúc - Đức Lợi	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 + 400 m	150.000
9	Đường ông Hồng thôn Đức Phúc - Đức An - Đức Lộc	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 + 500 m	150.000
10	Đường ông Vinh thôn Đức An - Đức Thuận	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 + 500 m	150.000
11	Đường Thôn Đức Bình	Quốc lộ 14	Hết nhà tang thôn Đức Bình	170.000
12	Các đường nhánh có đầu nối với Quốc lộ 14 còn lại	Km0 (Quốc lộ14)	Km 0 + 200 m	130.000
13	Đường liên xã (Đức Mạnh - Đắk Sắk)	Tỉnh lộ 682	Giáp ranh xã Đắk Sắk	200.000
14	Đường thôn Đức Sơn (Đường cây xăng Phúc Duy)	Km 0 +600 m		150.000
15	Đường thôn Đức Thắng (đường ông Lê)	Km 0 + 700 m		200.000
16	Đất khu dân cư còn lại			150.000
IV	**Xã Đắk R'la**			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Đắk Gằn	Trường Nguyễn Thị Minh Khai	300.000
		Trường Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba thôn 7, thôn 12	300.000
		Ngã ba thôn 7, thôn 12	Đường vào mỏ đá Đô Ry	450.000
		Đường vào mỏ đá Đô Ry	Hết nhà ông Chính (giáp Cao su)	300.000
		Hết nhà ông Chính	Giáp ranh xã Đức Mạnh, Đắk N'Đrót	150.000
2	Đường vào trường Hoàng Diệu	Km 0 (Quốc lộ14)	Hết trường Hoàng Diệu	250.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
3	Các đường có đấu nối với Quốc lộ14	Km 0 (ngã ba Quốc lộ 14 thôn 2)	Km 0 + 250 m	200.000
		Km 0 (ngã ba Quốc lộ 14 thôn 3 Trạm Y tế)	Km 0 + 500 m	100.000
		Km 0 (Ngã ba Quốc lộ 14 thôn 5, thôn 6)	Km 0 + 500 m (Nghĩa địa 312)	150.000
		Km 0 (Ngã ba Quốc lộ 14 thôn 7)	Suối ông Công	100.000
		Km0 (Ngã ba Quốc lộ 14 thôn 7, thôn 11)	Suối ông Công	100.000
		Km0 (Ngã ba thôn 4)	Km0 + 500 (đất nhà ông Hà - thôn 4)	150.000
4	Đường cấp phối, tuyến 2 song song Quốc lộ 14	Đấu nối từ đường 312	Hết Trường Hoàng Diệu	150.000
		Thôn 6	Đường vào nhà ông Hạnh	110.000
		Thôn 11 đường sau trung tâm cụm chợ xã	Đến hết cao su Nông trường	150.000
		Trường Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đất lô hai của nhà ông Thọ	110.000
5	Đất khu dân cư còn lại			120.000
V	**Xã Đắk N'Đrót**			
1	Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Đức Mạnh	Giáp xã Đắk R'la	150.000
2	Đường 304	Quốc lộ 14	Cầu suối Đắk Gôn 1 (đầu buôn Đắk Me)	100.000
		Cầu suối Đắk Gôn I	Ngã ba UBND Đắk N'Đrót	100.000
		Ngã ba UBND xã mới	Hết đập nước buôn Đắk R'la	120.000
		Ngã ba UBND xã mới	Cuối dốc tấm tôn	100.000
		Cuối dốc Tấm Tôn	Ngã 6 thôn 4	140.000
		Ngã 6 thôn 4	Ngã ba nhà ông Xuân Phương	110.000
		Ngã ba nhà ông Xuân Phương	Cầu gỗ	100.000
		Cầu gỗ	Ngã ba nhà ông Hai Chương (thôn2)	100.000
3	Đường vào buôn Đắk R'La	Cầu Suối Đắk Gon II	Ngã ba buôn Đắk R'la	120.000
4	Đường thôn 1	Km0 (QL14)	Km0 + 200	120.000
5	Đường Đắk N'DRót - Đồn 755	Trường Hoàng Hoa Thám	Cầu cọp	90.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
6	Đường vào khu dân cư 23 hộ	Ngã 3 nhà ông Phí Văn Tính	Hết đường nhựa khu 23 hộ (nhựa 3,5m)	100.000
7	Đường thôn 5 đi thôn 6	Ngã 3 nhà bà Đinh Thị Huệ	Ngã 3 làng đạo thôn 6 (nhựa)	100.000
8	Đường từ thôn 4 qua thôn 7, thôn 6	Ngã 6 thôn 4	Ngã 3 làng đạo thôn 6 (nhựa)	100.000
9	Các khu dân cư còn lại			80.000
VI	**Xã Đắk Lao**			
1	Quốc lộ 14 (về phía Đắk Lắk)	Giáp Huyện đội Đắk Mil	Ngã ba thôn 4 (Công ty 2-9)	1.400.000
		Ngã ba thôn 4 (công ty 2-9)	Giáp ranh xã Đức Mạnh	1.200.000
2	Quốc lộ 14 (về phía Đắk Nông)	Giáp ranh thị trấn	Cây xăng Anh Tuấn	700.000
		Cây xăng Anh Tuấn	Giáp ranh xã Thuận An	500.000
3	Quốc lộ 14C	Giáp đường Trường Trần Phú đi Quốc lộ 14 C	Hết Lâm trường Đắk Mil (Công ty Đại Thành)	650.000
		Lâm trường Đắk Mil	Đập 6B	300.000
		Đập 6B	Hết Trạm biên phòng Đắk Ken	300.000
		Trạm Biên phòng Đắk Ken	Trạm Biên phòng Đắk Ken + 500 m	200.000
4	Đường liên xã	Ngã ba trường tiểu học trần Phú	Giáp Quốc lộ 14C	400.000
		Ngã ba trường tiểu học trần Phú	Hết nhà bà Trần Thị Ngọc Ánh	350.000
		Nhà bà Trần Thị Ngọc Ánh	Giáp thôn 5 Đắk Lao (bò vàng Dla)	250.000
		Ngã ba Quốc lộ14 (Xí nghiệp giao thông cũ)	Ngã ba thôn 1 Đắk Lao	400.000
		Quốc lộ14	Đập 470	150.000
5	Đường thôn 1	Giáp ranh TT. Đắk Mil (ngã 3 đường Lê Lợi - đường Lý Thường Kiệt)	Giáp ranh xã Đức Mạnh	200.000
6	Đường Thôn 2	Ngã 3 Lê Lợi (nhà kho ông Huy Hiền)	Hết nhà Mẫu giáo thôn2	250.000
		Nhà Mẫu giáo thôn2	Giáp xã Đức Mạnh	200.000
7	Đường Thôn 3	Nhà ông Vũ Vy	Hết nhà ông Lê Minh	200.000
8	Đường vào thôn 4	Quốc lộ 14A	Hết nhà ông Hợp	350.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
9	Đường thôn 4	Giáp ranh xã Đức Mạnh	Hết nhà ông Trung	300.000
		Nhà ông Trung	Ngã 3 (nhà ông Lê Văn Đào)	200.000
10	Đường thôn 4 (Lô 2 sau Bến xe)	Nhà ông Bùi Văn Ri (thôn 4)	Hết Công ty Cà phê 2-9	300.000
11	Đường thôn 5	Nhà ông Phạm Như Thức (thôn 6)	Hết đường nhựa thôn 5 (giáp đồi Bom Bi)	250.000
12	Đường thôn 7	Giáp ranh Thị trấn (đường Trần Phú)	Giáp ranh Thôn 8 (quán Lữ Quán)	300.000
		Giáp nhà ông Bùi Quang Định (Thôn 6)	Đi qua Nghĩa địa và ra nhà ông Ba Đôn	200.000
13	Đường thôn 8, thôn 9	Giáp ranh thôn 7	Đường Quốc lộ 14C (Ngục Đắk Mil)	200.000
14	Đường Thôn 8	Ngã 3 Mẫu giáo Thôn 8	Giáp Quốc lộ 14C (Công ty Đại Thành)	200.000
15	Đường liên Thôn 10A-13 (Miếu cô)	Quốc lộ 14A	Nhà máy Cao su	200.000
16	Đường Liên Thôn 10B -11A	Nhà ông Trần Văn Soa (Thôn 10B)	Hết nhà ông Nguyễn Hữu Quán (thôn 11A)	200.000
20	Đường thôn 11B	Ngã 3 cây xăng Minh Tuấn (thôn 11B)	Giáp đường liên xã Đắk Lao- Thuận An	200.000
18	Đường Thôn 12	Từ đập 40 (đường nhựa)	Hết thôn 12 (đường nhựa)	150.000
19	Giáp đường liên xã Đắk Lao - Thuận An	Quốc lộ 14	Giáp đập đội 2	250.000
20	Đất khu dân cư còn lại			100.000
VII	**Xã Thuận An**			
1	Quốc lộ 14	Giáp xã Đắk Lao	Ngã ba đường vào Công ty Cà phê Thuận An	340.000
		Ngã ba đường vào Công ty Cà phê Thuận An	Ngã ba đường vào đồi Chim	400.000
		Ngã ba đường vào đồi Chim	Hết khu dân cư Thôn Thuận Nam (Giáp cao su)	250.000
		Khu dân cư Thôn Thuận Nam (Giáp cao su)	Hết địa phận xã Thuận An	120.000
2	Đường từ Quốc lộ14 đi Bon Sa Pa	Quốc lộ14 (chợ xã Thuận An)	Đập nhỏ	110.000
		Đập nhỏ	Ngã ba đi Bon Sa Pa (giáp đường Đông Nam)	100.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
3	Đường từ Quốc lộ14 đi Công ty Cà phê Thuận An	Quốc lộ 14	Ngã 3 hết nhà bà Phan Thị Thành, thôn Đức Hoà	140.000
		Ngã 3 giáp nhà bà Phan Thị Thành, thôn Đức Hoà	Giáp đường Đông Nam	130.000
		Ngã 3 Đường Đông Nam	Giáp ranh thị trấn Đắk Mil	350.000
		Ngã ba đường Đông Nam	Đập núi lửa	100.000
		Đập núi lửa	Giáp Quốc lộ 14	100.000
4	Đường đi trạm Đắk Per	Ngã ba Quốc lộ14 (Nghĩa địa)	Ngã ba Đồng Đế	100.000
		Ngã ba Đồng Đế	Trạm Đắk Per	100.000
5	Đường nội thôn Thuận Bắc	Quốc lộ 14	Đập nước của thôn	100.000
		Ngã ba Quốc lộ 14	Đập đội 2, Thuận Hoà	200.000
6	Đường Đắk Lao - Thuận An	Đập đội 2 (Thuận Hoà)	Giáp đường vành đai Đông Nam (Thuận Sơn)	150.000
7	Đường nội thôn Thuận Hoà	Ngã ba giáp ranh vành đai Đông Nam	Giáp ranh Thôn 11B xã Đắk Lao	100.000
		Đập đội 2	Giáp vườn nhà ông Hoàng Văn Mến	100.000
8	Đường nội thôn Thuận Sơn	Nhà ông Nguyễn Hữu Thịnh	Giáp ranh thị trấn Đắk Mil	150.000
9	Đường liên thôn Đức An - Đức Hoà	Nhà ông Nguyễn Hồng Nhiên	Giáp ranh vườn ông Lương Tài Sơn	100.000
10	Đường liên thôn Thuận Hạnh - Đức An	Ngã 3 nhà ông Nguyễn Minh Tuấn (thôn Thuận Hạnh)	Ngã 3 nhà ông Nguyễn Hảo (thôn Đức An)	100.000
11	Đường từ Quốc lộ 14 đến đường vào bon Sa Pa	Quốc lộ 14 (Ngã ba đường vào nhà thờ)	Ngã ba Nhà thờ	120.000
		Ngã ba Nhà thờ	Đường đi Bon Sa Pa (Sau chợ xã)	110.000
12	Đường đi đồi Chim	Ngã ba Quốc lộ 14 (Nhà ông Trác Nhơn Diệu)	Đến đập Đắk Per	100.000
13	Đất khu dân cư còn lại			90.000
VIII	**Xã Đức Minh**			
1	Đường Nguyễn Du	Giáp ranh giới Thị trấn	Ngã 4 (giáp nhà ông Liên)	850.000
2	Tuyến Tỉnh lộ 3	Giáp ranh thị trấn	Trường Chu Văn An	400.000
		Trường Chu Văn An	Hết nhà thờ Vinh Đức	400.000
		Nhà thờ Vinh Đức	Đường vào Sân vận động Vinh Đức	350.000
		Đường vào Sân vận động Vinh Đức	Giáp Ranh xã Đắk Sắk	400.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
3	Tỉnh Lộ 2	Giáp xã Đức Mạnh	Cầu trắng	450.000
		Cầu trắng	Giáp ranh giới xã Đắk Mol	350.000
4	Đường liên thôn	Ngã 4 nhà thờ Vinh An	Đầu cánh đồng Đắk Gô	350.000
		Đầu cánh đồng Đắk Gô	Giáp xã Thuận An	200.000
		Đường nội bon Jun Jhú		80.000
		Ngã 3 Jun Jhú (Cây xăng ông Đoài)	Nhà thờ họ Thanh Lâm	200.000
		Nhà thờ họ Thanh Lâm	Cầu máy giấy	150.000
5	Đường liên xã Đức Minh - Đức Mạnh	Tỉnh lộ 3	Đường đi Đức Lễ (giáp ranh giới xã Đức Mạnh)	200.000
6	Đường liên thôn Đức Đoài (trừ tiếp giáp Tỉnh lộ 683 tính theo hệ số còn lại)	Cây xăng Đặng Văn Thư	Mẫu giáo Phong Lan đến tiếp giáp đường ra nghĩa trang xã đoài	200.000
7	Đường liên thôn Mỹ Yên, Mỹ Hòa (Trừ tiếp giáp tỉnh lộ 683 tính theo hệ số còn lại)	Nhà ông Nguyễn Thanh Bảo	Cổng trường Mầm non tư thục Tuổi Thơ	200.000
8	Đường liên thôn Mỹ Yên, Kẻ Động (Trừ tiếp giáp tỉnh lộ 683 tính theo hệ số còn lại)	Nhà ông Đồng	Hết ngã ba nhà ông Thi	150.000
9	Đường liên thôn Vinh Đức, Xuân Phong (Trừ tiếp giáp tỉnh lộ 683 tính theo hệ số còn lại)	Mẫu giáo Vinh Đức	Nghĩa trang Vinh Đức đi ra trường tiểu học Bùi Thị Xuân - nhà ông Nguyễn Xuân Hoàng (Tỉnh lộ 683)	200.000
10	Đường liên thôn Xuân Trang - Thanh Lâm	Từ nhà ông Phan Minh Châu (Xuân Trang)	Đến giáp đường từ ngã cây xăng ông Đoài đến nhà thờ Thanh Lâm	150.000
11	Đường liên thôn Thanh Lâm - Xuân Sơn	Ngã ba nhà ông Luật thôn Thanh Lâm	Đến hết Văn phòng HTX NN Đức Minh	150.000
12	Đường liên thôn Kẻ Đọng (trừ tiếp giáp Tỉnh lộ 683 tính theo hệ số còn lại)	Nhà ông Hằng (Tỉnh lộ 3)	Chợ Đức Minh	200.000
		Nhà Ông Tớn (Cây xăng Hoàng Diệu) Tỉnh lộ 3	Chợ Đức Minh	200.000
		Chợ Đức Minh	Hết Hội trường thôn Kẻ Đọng	150.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
13	Các đường nhánh đấu nối với tỉnh lộ 682 và 683	Km0 Tỉnh lộ 682, Tỉnh lộ 683	Km0 + 200	130.000
14	Đất khu dân cư còn lại			100.000
IX	**Xã Long Sơn**			
1	Đường tỉnh lộ 3	Giáp xã Đắk Sắk	Cầu suối 2	110.000
		Cầu suối 2	Giáp ranh huyện KrôngNô	120.000
2	Đường thôn Nam Sơn	Tỉnh lộ 3	Hết thôn Nam sơn	90.000
3	Các khu dân cư còn lại			80.000
X	**Xã Đắk Sắk**			
1	Tỉnh lộ 682	Ngã 3 Thọ Hoàng	Cầu trắng	450.000
		Cầu trắng	Giáp ranh xã Đắk Mol	350.000
2	Đường tỉnh lộ 683	Từ ngã 4 giáp Tỉnh lộ 682	Hết Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	400.000
		Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hết Trường Lê Hồng Phong	350.000
		Trường Lê Hồng Phong	Đường vào E29	300.000
		Đường vào E29	Hết Trụ sở Lâm trường Thanh Niên (cũ)	250.000
		Trụ sở Lâm trường Thanh Niên (cũ)	Giáp ranh xã Long Sơn	200.000
3	Đường nội xã	Giáp ranh xã Đức Mạnh	Ngã 3 đầu thôn 1	200.000
		Ngã 3 đầu thôn 1	Hết Trạm điện T15	200.000
		Trạm điện T15	Hết trường Lê Hồng Phong	180.000
		Trạm điện T15	Thôn Phương Trạch (giáp Tỉnh lộ 683)	150.000
4	Đường 3/2	Tỉnh lộ 683	Đường Sân bay (cũ)	150.000
5	Đường liên xã Đắk Sắk - Đức Mạnh	Tỉnh lộ 682	Ngã 3 đầu thôn Thổ Hoàng 1	200.000
6	Đường liên thôn	Đầu sân bay (liên thôn 1 - 2)	Cuối thôn 2 (Đường song song với đường sân bay)	180.000
		Tỉnh lộ 683	Phân hiệu (trường Nguyễn Văn Bé)	150.000
		Phân hiệu (trường Nguyễn Văn Bé)	Cầu ông Quý	150.000
		Tỉnh Lộ 682	Ngã 3 giáp Đắk Mol	150.000
		Ngã 3 xã Đắk Mol	Đến hết thôn Xuân Bình	120.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
7	Các đường nhánh từ sân bay vào sâu đến 200m			150.000
8	Các nhánh đường đấu nối với Tỉnh lộ 682, Tỉnh lộ 683 vào sâu 200m			150.000
9	Các khu dân cư còn lại			90.000

5. Huyện Đắk Song

Đơn vị tính: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
I	**TT. Đức An**			
1	Dọc Quốc lộ 14	Ranh giới thị trấn và xã Nam Bình	Cổng Huyện đội	
		- Phía đông (trái)		450.000
		- Phía tây (phải)		500.000
		Cổng Huyện đội	Dịch vụ công	
		- Phía đông (trái)		900.000
		- Phía tây (phải)		700.000
		Dịch vụ công	Hết trụ sở Ngân hàng nông nghiệp	
		- Phía đông (trái)		1.500.000
		- Phía tây (phải)		800.000
		Ngân hàng nông nghiệp	Đường vào xã Thuận Hà (Kiểm lâm)	1.300.000
		Đường vào Thuận Hà (Kiểm lâm)	Km 809	800.000
		Km 809	Km 811	450.000
		Km 0 (ngã 3 Bưu điện) + 150 m	Xuống Đập Đắk Rlong	400.000
2	Đường đi thôn 10 (Đắk N'Drung)	Từ Quốc lộ 14	Đến hết ranh giới thị trấn Đức An	400.000
3	Đường vào thôn 6 (Ma Nham - Trung tâm y tế)			
		Km 0 (Quốc lộ 14)	Hết Bệnh viện	500.000
		Bệnh viện	Ranh giới thị trấn	300.000
4	Khu tái định cư (trước cổng huyện đội) các trục đường chính			
		Km 0 (quốc lộ 14)	Km 0 + 150m	400.000
5	Khu tái định cư (sau huyện đội) các trục đường chính			400.000
6	Đường số 2 sau UBND thị trấn Đức An			300.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
7	Đường hành chính	Chi cục thuế (Quốc lộ 14)	Quốc lộ14 (giáp viện kiểm sát)	250.000
		Huyện uỷ (Quốc lộ14)	Đường khu hành chính	900.000
		Kho bạc (Quốc lộ14)	Đường khu hành chính	900.000
8	Đường vào khu văn hoá	Km 0 Quốc lộ 14 (Phòng Văn hóa)	Km 0 Quốc lộ 14 (Phòng Văn hóa) + 400 m	350.000
	Đoạn đường còn lại ở khu văn hoá			200.000
9	Đường đi xã Thuận Hà	Km 0 Quốc lộ 14 (Hạt Kiểm lâm)	Km 0 Quốc lộ 14 (Hạt Kiểm lâm) + 200m	250.000
10	Khu dân cư phía Nam sát UBND thị trấn Đức An			300.000
11	Đường vào khu nhà công vụ Giáo viên từ Quốc lộ14 đến 600 mét			300.000
12	Từ đường cạnh Trường dân tộc nội trú			
		Trường dân tộc nội trú	Xưởng cưa nhà ông Vũ Duy Bình	200.000
13	Ranh giới giữa Tổ 3 và Tổ 4			
		Từ Km 0 Quốc lộ 14	Ranh giới thị trấn	200.000
14	Đường nối			
		Trường Tiểu học Chu Văn An	Đường nối với đường xuống đập Đắk Rlong	300.000
15	Đất ở khu dân cư còn lại			100.000
II	**Xã Trường Xuân**			
1	Dọc Quốc lộ 14	Ranh giới xã Nâm N'Jang	Ngã 3 đường vào mỏ đá Trường Xuân (thôn 7)	100.000
		Ngã 3 đường vào mỏ đá Trường Xuân	Ngã 3 đường vào thôn 4	300.000
		Ngã 3 đường vào thôn 4	Giáp xã Quảng Thành - Gia Nghĩa	150.000
2	Các đường liên thôn có tiếp giáp Quốc lộ 14			
		Quốc lộ 14	Vào sâu 300 m	100.000
3	Từ ngã ba đường vào mỏ đá tới nhà ông Lê Xuân Thọ			100.000
4	Đất ở khu dân cư còn lại			50.000
III	**Xã Đắk N'Drung**			
1	Đường liên xã Đắk N'Drung – Nam Bình	Từ ngã 3 Tỉnh lộ 6	Hết trường Lý Thường Kiệt	300.000
		Trường Lý Thường Kiệt	Ranh giới xã Nam Bình	100.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
2	Đường liên xã Đắk N'Drung – Nâm N'Jang	Từ ngã 3 Tỉnh lộ 6	Trường cấp III + 500m	250.000
		Trường cấp III + 500m	Ranh giới xã Nâm N'Jang	100.000
3	Đường liên xã Đắk N'Drung - Thuận Hà	Ngã 3 Công ty cà phê	Ranh giới xã Thuận Hà	100.000
4	Đường tỉnh lộ 6	Ranh giới xã Nâm N'Jang	Ngã 3 bon Bu Bong	100.000
		Ngã 3 bon Bu Bong	Ngã 3 Công ty Cà phê Đắk Nông	300.000
		Ngã 3 công ty Cà phê Đắk Nông	Giáp xã Đắk Buk So	100.000
5	Đường đi thôn 10	Ranh giới xã Nâm N'Jang	Tỉnh lộ 6	100.000
6	Đất ở khu dân cư còn lại			50.000
IV	**Xã Nâm N'Jang**			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới thị trấn Đức An	Cầu 20 + 150 m	150.000
		Cầu 20 + 150 m	Ngã 4 cầu 20 + 100 m	250.000
		Ngã 4 cầu 20 + 100 m	Km 18	200.000
		Km 18	Km 19 +500 m	250.000
		Km 19 + 500 m	Giáp Trường Xuân	150.000
		Km0 Ngã 3 vào thuỷ điện	Km0 Ngã 3 vào thuỷ điện + 500m	200.000
2	Đường Tỉnh lộ 6	Quốc lộ 14 (ngã 4 cầu 20)	Cầu thác	200.000
		Cầu thác	Trường Nguyễn Văn Trỗi	250.000
		Trường Nguyễn Văn Trỗi	UBND xã	300.000
		UBND xã	Hết Chùa Hoa Quang	400.000
		Hết Chùa Hoa Quang	Hết trường mẫu giáo Thôn 1	250.000
		Hết trường Mẫu giáo Thôn 1	Ngã 3 Thôn 8	350.000
		Ngã 3 đi Thôn 8	Đập nước ranh giới xã Đắk N'Drung	150.000
		Quốc lộ 14 Ngã 4 cầu 20	Lâm trường Đắk N'Tao	250.000
		Lâm trường Đắk N'tao	Trạm QLBVR (Công ty LN Đắk N'tao)	150.000
3	Đường liên xã Nâm N'Jang - Đắk N'Drung	Ngã 3 Tỉnh lộ 6 đi thôn 5	Giáp ranh giới xã Đắk N'Drung	200.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
4	Đường liên thôn	Đường ngã 3 đi thôn 1	Đường đi thôn Đắk Lư và Bung Binh	100.000
		Đường ngã 3 đi thôn 3	Ngã 3 đi thôn 11 (ra Nhà máy mỳ)	100.000
		Ngã ba Bồ Đề	Đồi Kiền kiền 2	100.000
5	Đường đi thôn 10	Ranh giới thị trấn Đức An	Ranh giới Đắk N'Drung	200.000
6	Khu dân cư còn lại			80.000
V	**Xã Nam Bình**			
1	Quốc lộ 14	Giáp ranh Thuận Hạnh	Ngã 3 Đức An (Trạm Y tế mới)	300.000
		Ngã 3 Đức An (Trạm Y tế mới)	Nhà mẫu giáo Hoa Sen (Trạm Y tế cũ)	250.000
		Nhà mẫu giáo Hoa Sen (Trạm y tế cũ)	Cây Xăng Đình Diệm	500.000
		Cây xăng Đình Diệm	Hết trụ sở đoàn 505	800.000
		Hết trụ sở đoàn 505	Giáp thị trấn Đức An	500.000
2	Đường tỉnh lộ 2	Km 0 QL 14 (ngã 3 rừng lạnh)	Km 0+ 300 m	300.000
		Km 0+ 300 m	Ranh giới xã Đắk Hoà	200.000
3	Quốc lộ 14 C	Ngã 3 Đức An Quốc lộ 14C	Quốc lộ 14C Km 0+200	300.000
		Quốc lộ 14C Km 0+200	Ngã 3 đường đi thôn 6	200.000
		Ngã 3 đường đi thôn 6	Ranh giới Thôn 7	300.000
		Ranh giới Thôn 7	Hết trường Tô Hiệu	500.000
		Hết trường Tô Hiệu	Hết ranh giới xã Nam Bình	300.000
4	Đường liên xã	Ngã 3 đi thôn 6	Giáp Thị trấn	100.000
5	Các trục đường của khu dân cư Thôn 10 + Thôn 11			250.000
6	Khu dân cư còn lại			80.000
VI	**Xã Thuận Hạnh**			
1	Dọc Quốc lộ 14	Ranh giới xã Nam Bình	Vườn ươm Công ty lâm nghiệp Thuận Tân	200.000
		Vườn ươm Công ty lâm nghiệp Thuận Tân	Km 796 (Ngã 3 đồn 8 cũ)	300.000
		Km 796 (Ngã 3 đồn 8 cũ)	Ranh giới huyện Đắk Mil	200.000
2	Dọc Quốc lộ 14 C	Km 796 (Ngã 3 đồn 8 cũ)	Km 119 + 20 m	250.000
		Ngã 3 Thuận Thành	Đồn 763	150.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
3	Đường vào UBND xã	Ngã 3 Thuận Tân - Thuận Thành	Hết trường Nguyễn Viết Xuân	200.000
		Hết trường Nguyễn Viết Xuân	Giáp ranh giới xã Nam Bình	150.000
		Ngã ba Cây xăng Thành Trọng	Ngã ba Cây xăng Thành Trọng + 500 mét hướng đi thôn Thuận Bắc	150.000
4	Điểm dân cư thuận lợi	Lô A		200.000
		Lô B		150.000
		Lô C		100.000
5	Đất ở các khu dân cư ven trục đường chính			
	- Các thôn: Thuận Nam, Thuận Lợi			150.000
6	Ngã 3 thôn Thuận Tình, Ngã 3 thôn Thuận Nghĩa đi các hướng 200m			150.000
7	Đất ở các khu dân cư còn lại			80.000
VII	**Xã Thuận Hà**			
1	Quốc lộ 14C	Ranh giới xã Nam Bình	Cầu Đầm Giỏ	150.000
		Cầu Đầm Giỏ	Trường Vừa A Dính	250.000
		Trường Vừa A Dính	Ranh giới bản Đắk Thốt	200.000
		Trường Vừa A Dính	Giáp bản Đầm Giỏ	150.000
		Trường Vừa A Dính	Trạm y tế + 200 m	200.000
		Trường Vừa A Dính	Ranh giới xã Đắk Buk So	150.000
2	Đất ở khu dân cư ven trục đường chính thôn 2, 3, 4, 5, 6, 7 và thôn 8			100.000
3	Khu dân cư còn lại			50.000
VIII	**Xã Đắk Mol**			
1	Tỉnh lộ 2	Giáp huyện Đắk Mil	Ranh giới thôn Đắk Sơn 1	220.000
		Ranh giới thôn Đắk Sơn 1	Ranh giới xã Đắk Hoà	280.000
2	Đường liên thôn	Ngã 3 Tỉnh lộ 2	Hết đường vòng thôn Đắk Sơn 1 và giáp Đắk Sơn 2-Đắk Hoà	120.000
		Ngã 3 Tỉnh lộ 2	Hết thôn 4	150.000
		Giáp ranh xã Đắk Hoà	Hết thôn Hà Nam Ninh	100.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
3	Đường đi E29	Ngã 3 Tỉnh lộ 2	Cầu Bon Ja Ji	150.000
		Cầu Bon Ja Ji	Trường Trần Bội Cơ	100.000
		Trường Trần Bội Cơ	Giáp ranh xã Đắk Sắc, Đắk Mil	80.000
4	Đất ở khu dân cư còn lại			50.000
IX	**Xã Đắk Hòa**			
1	Tỉnh lộ 2	Ranh giới xã Đắk Mol	Đập nước Đắk Mol	300.000
		Km 0 (đập nước)	Ranh giới thôn Rừng Lạnh	120.000
		Thôn Rừng Lạnh	Giáp xã Nam Bình	100.000
2	Đường liên xã	Từ ngã 3 Đắk Hoà (nhà bà Ngọc)	Ranh giới xã Đắk Mol (thôn Hà Nam Ninh)	150.000
		Đường liên thôn Đắk Hoà 2	Ranh giới xã Đắk Mol (thôn Hà Nam Ninh)	100.000
3	Đường liên thôn	Đắk Sơn 2, Đắk Sơn 3	Giáp Tỉnh lộ 2	100.000
4	Khu dân cư còn lại			50.000

6. Huyện Đắk R'lấp

Đơn vị tính: Đồng/m^2

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
I	**TT. Kiến Đức**			
1	Nguyễn Tất Thành	Ranh giới xã Kiến Thành	Ngã 3 đường Võ Thị Sáu - Nguyễn Tất Thành	1.800.000
		Ngã 3 đường Võ Thị Sáu - Nguyễn Tất Thành	Ngã 3 đường Chu Văn An	2.500.000
		Ngã 3 đường Chu Văn An	Ngã 3 đường Lê Hữu Trác – Nguyễn Tất Thành	3.000.000
		Ngã 3 đường Lê Hữu Trác -Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Trần Phú-Nguyễn Tất Thành	2.500.000
		Km 0 (Ngã ba đường Trần Phú)	Km 0 +600 m (ngã 3 đường Trần Phú)	1.800.000
		Km 0 +600 m (ngã 3 đường Trần Phú - Nguyễn Tất Thành)	Ranh giới xã Kiến Thành (Đường Nguyễn Tất Thành	1.500.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
2	Đường Lê Thánh Tông	Ngã 3 đường Lê Hữu Trác – Lê Thánh Tông	Đường vào lò mổ (tà Dương)	1.500.000
		Ngã 3 đường Lê Hữu Trác – Lê Thánh Tông	Đường vào lò mổ (tà Âm)	800.000
		Km 0 (ngã 3 đường vào lò mổ - Lê Thánh Tông)	Km0 +200 m Giáp đất nhà ông Lương)	
			Tà luy dương	2.000.000
			Tà luy âm	1.500.000
		Km0 +200m Giáp đất nhà ông Lương)	Hết điểm quy hoạch (Giáp bờ kè sau chợ)	1.800.000
		Km0 +200m Giáp đất nhà ông Lương)	Giáp QLộ 14	
			Tà luy dương	2.000.000
			Tà luy âm	1.500.000
3	N'Trang Lơng (Bên phải)	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 + 150 m	2.500.000
		Km 0 + 150 m	Ngã ba đường Nguyễn Du đường N'Trang Lơng	2.000.000
		Ngã ba đường Nguyễn Du đường N'Trang Lơng	Cầu Đắk Blao	1.500.000
	N'Trang Lơng (bên trái)	Km 0 (Quốc lộ 14) Phía tà âm	Km 0 + 150 m	2.500.000
		Phía bên trái đường		
		Km 0+ 150m	Km 0+ 300 m	1.500.000
		Km 0+ 300m	Km 0+ 500 m	1.000.000
		Km 0+ 500m	Km 01+ 110 m	1.000.000
	N'Trang Lơng	Km 01+ 110 m	Km 01+650 m (ngã 3 đường Phan Chu Trinh - đường N'Trang Lơng)	1.000.000
		Km 1+650m (ngã 3 đường Phan Chu Trinh - đường N'Trang Lơng)	Km 2+450m (đường N'Trang Lơng)	800.000
		Km 02+450 m	Giáp ranh Quảng Tân (đường N' Trang Lơng)	
			Tà luy dương	700.000
			Tà luy âm	500.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
4	Đường Lê Hữu Trác	Km 0+ 50 m (Quốc lộ14)	Ngã 3 đường Lê Thánh Tông – Lê Hữu Trác	
			Tà luy dương	1.500.000
			Tà luy âm	1.000.000
		Ngã 3 đường Lê Thánh Tông –Lê Hữu Trác	Ngã 3 đường Hai bà Trưng –Lê Hữu Trác	
			Tà luy dương	900.000
			Tà luy âm	700.000
		Km 0 Ngã 3 đường Hai bà Trưng –Lê Hữu Trác	Km0+100 (Ngã 3 đường vào xóm 2 tổ 8 đường Lê Hữu Trác)	
			Tà luy dương	500.000
			Tà luy âm	300.000
		Km0+100 (Ngã 3 đường vào xóm 2 tổ 8 đường Lê Hữu Trác)	Đến hết đất nhà ông Vũ Mai Huy	
			Tà luy dương	600.000
			Tà luy âm	400.000
		Từ đất nhà ông Vũ Mai Huy	Giáp đường N'Trang Lơng	
			Tà luy dương	300.000
			Tà luy âm	200.000
5	Đường Trần Phú	Ngã 3 đường Trần Phú - Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh giới xã Kiến Thành	1.000.000
6	Đường Võ Thị Sáu	Ngã 3 đường Võ Thị Sáu - Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh giới xã Kiến Thành đường Võ Thị Sáu	500.000
7	Đường Phan Chu Trinh	Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành -Phan Chu Trinh	Đập thuỷ điện Đắk Tăng (đường Phan Chu Trinh)	500.000
8	Đường Chu Văn An	Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành - Chu Văn An	Giáp Sân vận động	
			Tà luy dương	1.000.000
			Tà luy âm	800.000
9	Đường Nguyễn Du	Đường N'Trang Lơng	Đường Chu Văn An	1.000.000
10	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Khuyến	1.000.000
11	Nguyễn Du nối dài	Ngã 3 Nguyễn Du – Chu Văn An	Đường Nguyễn Tất Thành	1.000.000
12	Đường Nguyễn Khuyến	Đường N'Trang Lơng	Sân vận động	1.000.000
		Sân vận động	Hết tổ dân phố 2 giáp hồ Thuỷ điện	500.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
13	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường N'Trang Lơng- Trần Hưng Đạo	Km 0+850 đường Trần Hưng Đạo	800.000
		Km 0+850 đường Trần Hưng Đạo	Giáp hồ thuỷ điện Đắk Tang đường Trần Hưng Đạo	500.000
14	Đường Phan Chu Trinh	Km 0 (ngã 3 đường N'Trang Lơng - Phan Chu Trinh)	Km 0+300 (đường Phan Chu Trinh)	500.000
		Km 0+300 (đường Phan Chu Trinh)	Giáp ranh xã Kiến Thành Đường Phan Chu Trinh	200.000
15	Đường Hai Bà Trưng	Đường N'Trang Lơng (Đập nước Đắk Blao)	Trung tâm Y tế huyện (Điểm dân cư số 5 đường Lê Hữu Trác	600.000
16	Đường Hùng Vương	Km 0 Quốc lộ 14- Trụ sở UBND thị trấn mới	Km 0 +200 m (Đường Hùng Vương)	
			Tà luy dương	1.000.000
			Tà luy âm	600.000
		Km 0 +200 m (Đường Hùng Vương)	Ngã 3 đường Hùng Vương - Trần Phú	600.000
17	Đường Ngô Quyền	Điểm dân cư số 2 (Tà luy dương)		500.000
18	Đường Lê Lợi (Điểm dân cư số 4)		Tà luy dương	220.000
			Tà luy âm	200.000
19	Khu dân cư số 6	Khu tập thể Trung tâm Y tế huyện		80.000
20	Đường liên khu phố	Km 0 ngã 3 đường Trần Hưng Đạo	Hội trường tổ 3, giáp đường Phan Chu Trinh	500.000
		Hội trường tổ 3	Trần Hưng Đạo	350.000
21	Đường vào đồi thông tổ 7	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 +400 m	
			Tà luy dương	400.000
			Tà luy âm	400.000
		Km 0 + 400 m	Đến hết đường	150.000
22	Đường vào nhà máy nước đá	Nhà ông Vinh Tổ 6	Giáp ranh giới Kiến Thành	400.000
		Nhà ông Sự	Bờ kè chợ	180.000
23	Đường vành đai Bệnh viện	Cổng Bệnh viện	giáp đường Lê Hữu trác	
			Tà luy dương	300.000
			Tà luy âm	200.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
24	Đường vào Trường dân tộc nội trú	Ngã ba đường Phan Chu Trinh	Hết Trường dân tộc nội trú	200.000
		Hết Trường dân tộc nội trú	Hết đường	150.000
25	Đường Xóm 4, Tổ 2	Từ nhà ông Kỳ	Hết đường Xóm 4, Tổ 2	
			Tà luy dương	500.000
			Tà luy âm	300.000
26	Hẻm 6, Tổ 2	Đường Chu Văn An	Nhà ông Nam	300.000
27	Ngã 3 nhà ông Thu	Đường Nguyễn Tất Thành ngã 3 nhà ông Thu	Giáp đường Nguyễn Du nối dài	200.000
28	Đất khu dân cư còn lại			80.000
II	**Xã Kiến Thành**			
1	Quốc Lộ 14			
a	TT. Kiến Đức về xã Quảng Tín	***Bên phải***		
		Giáp ranh TT. Kiến Đức	Giáp nhà ông Lập	700.000
		Nhà ông Lập	Ranh xã Quảng Tín	650.000
		Bên trái		
		Giáp ranh TT. Kiến Đức	Giáp ranh nhà ông Sơn	650.000
		Giáp ranh nhà ông Sơn	Giáp ranh xã Quảng Tín	700.000
b	TT Kiến Đức - Nhân Cơ	Ranh giới Kiến Đức	Ranh giới Kiến Đức +400 m	
			Tà luy dương	1.200.000
			Tà luy âm	1.000.000
		Ranh TT Kiến Đức +400 m	Đến ngã ba hầm đá	
		Tà dương (phía cao)	Đến ngã ba hầm đá	700.000
		Tà âm (phía thấp)	Đến ngã ba hầm đá	650.000
		Ngã ba vào hầm đá	Ranh giới xã Đăk Wer	800.000
2	Tỉnh lộ 5	Ranh giới TT. Kiến Đức	Nghĩa địa thôn 3	500.000
		Nghĩa địa thôn 3	Nghĩa Địa thanh niên xung phong	300.000
		Nghĩa địa thanh niên xung phong	Ranh giới xã Nghĩa Thắng	200.000
3	Đường thôn 7	Từ ranh giới Kiến Đức (đường dây 500KV)	Ranh giới Đăk Wer	300.000
		Ngã 3 trường Phân hiệu Võ Thị Sáu	Đăk Wer (Quốc lộ 14)	100.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
4	Đường đi thôn 5, thôn 8	Thuỷ điện Đắk Tăng	Nghĩa địa thôn 5	150.000
		Từ ngã 3 Quốc lộ 14	Đập thuỷ điện Đắk Tăng	400.000
		Từ nhà ông Thêu	Ranh TT. Kiến Đức	200.000
5	Đường đi thôn 9	Quốc lộ 14 ngã 3 trường 1	Nghĩa địa thôn 9	150.000
		Quốc lộ 14 nhà ông Chữ	Khu quy hoạch xưởng cưa	150.000
		Khu QH đất giáo viên thôn 9		80.000
6	Đường vào cây đa Kiến Đức		Giáp ranh Kiến Thành	600.000
7	Từ nhà ông Tạ Nắng		Đến nhà ông Nguyễn Phương	250.000
8	Đường vào nhà máy nước đá Hương Giang (cũ)	Ranh giới TT. Kiến Đức	Hết đường nhựa	300.000
9	Ranh giới TT. Kiến Đức		Hết nhà ông Bình thôn 7	250.000
10	Đường vào Trạm Y tế Kiến Đức	Ranh TT. Kiến Đức	Giáp ranh xã Đắk Sin	100.000
11	Đất khu dân cư còn lại			50.000
III	**Xã Nhân Cơ**			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Đắk Wer	Hết trạm Y tế xã Nhân Cơ	1.000.000
		Trạm Y tế xã Nhân Cơ	Đầu trường Lê Đình Chinh	1.500.000
		Đầu trường Lê Đình Chinh	Ngã 3 đường vào xã Nhân Đạo	2.000.000
		Ngã ba đường vào xã Nhân Đạo	Hết trụ sở Lâm trường Đạo Nghĩa (cũ)	1.500.000
		Trụ sở lâm trường Đạo Nghĩa (cũ)	Cách ngã ba đường vào ngầm 18 (200m)	500.000
		Cách ngã ba đường vào ngầm 18 (200m)	Qua ngã ba đường vào ngầm 18 (+200m)	700.000
		Qua ngã ba đường vào ngầm 18 (200m)	Cách ngã 3 đường vào thác Diệu Thanh (200m)	500.000
		Cách ngã 3 đường vào thác Diệu Thanh (200m)	Qua ngã 3 đường vào thác Diệu Thanh (+200m)	800.000
		Qua ngã ba đường vào thác Diệu Thanh 20 0m	Cầu Đắk R'tih	500.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
2	Các đường nhánh tiếp giáp với Quốc lộ 14			
2.1	Đường vào xã Nhân Đạo	Km 0 Quốc lộ 14	Km 0 + 500 m	700.000
		Km 0 + 500m	Giáp ranh xã Nhân Đạo và Đăk Wer	250.000
2.2	Đường vào ngầm 18	Ngã 3 Quốc lộ 14	Hết trường Nguyễn Viết Xuân	300.000
		Hết trường Nguyễn Viết Xuân	Đến ngầm 18	150.000
2.3	Đường vào Thác Diệu Thanh	Ngã 3 (Quốc lộ 14)	Ngã 3 (Quốc lộ 14) + 500m	400.000
2.4	Đường vào Nghĩa địa thôn 8	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 01	200.000
2.5	Đường bên cạnh trụ sở lâm trường (Trụ sở UBND xã mới)	Km 0 (Quốc lộ 14)	Đến cổng chào Bon Bù Dấp	250.000
2.6	Đường vào bon Bù Dấp	Từ ngã 3 vườn mía	Đến nhà ông Tơi	150.000
2.7	Đường liên thôn	Ngã 3 Pi Nao I	Giáp mặt bằng nhà máy Alumin	250.000
2.8	Đường cạnh kho Loan Hiệp	Kho Loan Hiệp	Nhà bà Hồng	400.000
2.9	Đường vào bên cạnh UBND xã	Ngã 3 (Quốc lộ 14)	Hết đường	500.000
2.10	Đường vào bên cạnh chợ	Ngã 3 (Quốc lộ 14)	Hết đường	500.000
2.11	Đường cạnh nhà bà Là	Ngã 3 (Quốc lộ 14)	Hết đường	300.000
2.12	Đường vào tổ 9B thôn 3	Ngã 3 (Quốc lộ 14)	Hết đường cả hai nhánh	300.000
2.13	Đường vào tổ 8	Cổng nhà ông Hiếu	Cổng nhà ông Hiếu + 500 m	200.000
		Cổng nhà ông Hiếu + 500 m	Hồ Nhân cơ	100.000
2.14	Đường vào tổ 1	Km 0 (Quốc lộ 14)	Hết nhà Vinh Lệ	200.000
2.15	Đường cạnh nhà ông Duyên	Km 0 (Quốc lộ 14) cạnh nhà ông Duyên	Nhà Vinh Lệ	200.000
2.16	Đường vào nhà máy mì	Quốc lộ 14	Giáp suối 1	200.000
		Giáp suối 1	Ngã 3 nhà máy bê tông Din My Đắk Nông	200.000
2.17	Đường vào sân bay	Ngã ba Quốc lộ 14	Giáp sân bay Nhân Cơ	700.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
2.18	Đường tổ 1	Từ cửa sắt Trường Sơn (nhà ông Trường)	Cầu mới	250.000
2.19	Đường vào Nghĩa địa thôn 8	Km 01	Giáp cụm Công nghiệp	100.000
2.2	Từ suối 1		Đến ngã 3 đường liên thôn 12	100.000
3	Đường đi xã Nhân Đạo		Ngã 3 đến khu nhà chuyên gia Alumin	250.000
4	Từ Ngã ba nhà ông Toát		Ngã 3 đường vào nhà ông Lương	200.000
5	Ngã 3 nhà ông Lương		Hết nhà bà Hiền	100.000
6	Nhà bà Hiền		Hồ Nhân Cơ	100.000
7	Khu công nghiệp		Ngã 3 đường vào thôn 4	100.000
8	Ngã 3 hồ Nhân Cơ		Hết đất bà Lan	250.000
9	Đường cạnh Hội trường thôn 5	Quốc lộ 14	Hết đất nhà bà Định	150.000
		Nhà bà Định	Hết đường	100.000
10	Đường cạnh nhà bà Vinh	Ngã ba Quốc lộ 14 từ nhà chị Vịnh	Hết đường	200.000
11	Đường từ Quốc lộ14 vào nghĩa địa thôn 9	Ngã ba Quốc lộ 14	Hết đất nhà ông Rượu	200.000
12	Đường cạnh nhà bà Viên	Ngã ba Quốc lộ 14	Ngã ba vườn mía	200.000
13	Đất ở khu dân cư còn lại			50.000
IV	**Xã Đắk Wer**			
1	Đường Quốc lộ 14	Km 0 ngã 3 vào thôn 1 về 2 phía mỗi phía 200 m		1.400.000
		Km 0 + 200 m	Giáp ranh Kiến Thành	900.000
		Km 0 +200 m	Km 0 + 350 m hướng Nhân Cơ	1.000.000
		Km 0 +350 m	Giáp ranh Nhân Cơ	600.000
2	Đường vào thôn 1	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 +100 m	550.000
		Km 0 + 100 m	Cầu qua thôn 1	240.000
		Cầu qua thôn 1	Cách ngã ba trung tâm xã (+ 450m)	300.000
		Km 0 ngã 3 trung tâm xã	Về 3 phía mỗi phía 250 m (hướng xã Nhân Cơ, xã Quảng Tân, thôn 1)	400.000
		Km 0 + 250 ngã 3 trung tâm xã	Km 250 +200 m về 3 phía	300.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
3	Đường vào Quảng Tân	Km 0 +450 m	Km 0 +850m	200.000
		Km 0 +850 m	Giáp ranh xã Quảng Tân	150.000
4	Đường vào thôn 6	Km 0 Quốc lộ 14	Km 0 +200 m	300.000
		Km 0 +200 m	Hết đường thôn 6 giáp thôn 13	200.000
5	Đường vào thôn 13	Km 0 Quốc lộ 14	Km 0 +200 m	150.000
		Km 0 +200 m	Hết đường	120.000
6	Đường liên xã Nhân Cơ Nhân Đạo, Nghĩa Thắng	Km 0 ngã 3 (Pi nao II)	Km 0 + 500m hướng Nghĩa Thắng	570.000
		Km 0 +500 m	Giáp xã Nghĩa Thắng	200.000
		Km 0 ngã 3 Pi nao II hướng Nhân Cơ	Km 0 + 500m	570.000
		Km 0 + 500m	Giáp ranh xã Nhân Cơ	250.000
7	Đường liên thôn	Cầu Tràn nhà ông Thanh	Giáp châu Giang Kiến Thành	100.000
		Cầu mới	Ngã ba thôn 14	240.000
		Ngã ba thôn 14	Ngã 3 trung tâm xã (+ 450m)	200.000
8	Đất ở ven các đường nhánh còn lại tiếp giáp với Quốc lộ vào đến 200 m			100.000
9	Thôn 1 đi thôn 16	Km0 ngã 3 trung tâm xã (hướng cầu ông Trọng)	Km 0 + 100 m	200.000
10	Thôn 13	Ngã 3 thôn 6	Ngã 3 nhà ông Vinh	150.000
		Ngã 3 nhà ông Trung Quýt	Ngã 3 Nhân Đạo	150.000
		Nhà ông Mạc Thanh Hoá	Về hướng Kiến Thành (hết đường)	180.000
		Ngã 3 nhà ông Trần Quang Vinh	Hết đất nhà ông Đàm Quang Vinh	180.000
		Hết đất nhà ông Đàm Quang Vinh	Mỏ đá Phương Nam	100.000
11	Đường vào bon	Ngã 3 nhà ông Nắng Ngần	Hết đường nhựa bon	100.000
12	Đất khu dân cư còn lại			50.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
V	**Xã Nhân Đạo**			
1	Đường liên xã	Km0 (ngã 3 chợ Pi Nao II)	Km 0+500 (đi xã Nhân Cơ)	570.000
		Km 0+500 (đi xã Nhân Cơ)	Ngã 3 Cùi chỏ	300.000
		Km0 (ngã 3 chợ Pi NaoII)	Km 0+500 (đi xã Nghĩa Thắng)	570.000
		Km0+500 (đi xã Nghĩa Thắng)	Cột móc giáp xã Nghĩa Thắng	220.000
		Ngã 3 cùi chỏ	Ráp ranh xã Nhân Cơ	250.000
2	Đường liên thôn	Km0 (ngã 3 chợ Pi Nao II)	Km0 +500m (Đi Bon Pi Nao)	450.000
		Km0 +500m (Đi Bon Pi Nao)	Ngã 3 Mum	220.000
		Ngã 3 Mum	Km 7 đường vào Bon Pi Nao	120.000
		Ngã 3 Cùi chỏ	Trường mẫu giáo thôn 1	80.000
		Trường mẫu giáo thôn 1	Hết đất nhà ông Lê Xuân Hán	60.000
		Ngã 3 mum đi đập Đắk Mur	vào 500 mét	100.000
		Ngã 3 mum	Trường học Lê Văn Tám (Phân hiệu 2)	100.000
		Trường học Lê Văn Tám (Phân hiệu 2)	Ngã tư Quốc tế	80.000
		Ngã 3 vào suối đá	Ngã 3 đập thôn 6	70.000
		Ngã 3 Mum	Trường Lê Văn Tám (phân hiệu)	120.000
3	Ngã 3 tư quốc tế	Đi bon Pi Nao	Đến hết nhà ông Hoa	70.000
4	Đất ở các khu dân cư còn lại			50.000
VI	**Xã Đạo Nghĩa**			
1	Tỉnh lộ 5	Từ UBND xã (hướng Đắk Sin)	UBND xã + 200 m	550.000
		Cách UBND 200m	Giáp Đắk Sin	280.000
		Từ UBND xã (hướng Nghĩa Thắng)	Cách UBND xã 300m	550.000
		Cách UBND 300m	Giáp Nghĩa Thắng	280.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
2	Đường liên thôn	Từ cầu Quảng Phước	Đập tràn Quảng Đạt	400.000
		Đập tràn Quảng Đạt	Đến nhà ông Thọ	280.000
		Từ nhà ông Thọ	Đến nhà ông Tư Tù	400.000
		Từ nhà ông Tư Tù	Đến hết đường nhựa (Mười nổ)	260.000
		Từ nhà ông Tân Ngà	Đến cửa rừng	180.000
		Từ nhà ông Khư	Đến cuối xóm mít	140.000
		Ngã tư Quảng An	Hết nhà bà Huệ	120.000
		Từ nhà bà Huệ	Giáp xã Nghĩa Thắng	80.000
		Nhà ông Tuân	Hết nhà ông Phú	120.000
		Nhà bà Huệ	Hết nhà ông Trần Dũng	80.000
		Ngã 3 nhà ông Phước	Trường Huỳnh Phúc Kháng (phân hiệu)	80.000
		Ngã tư Quảng An	Nhà ông Võ Văn Thảo	100.000
3	Đất ở các khu dân cư còn lại			50.000
VII	**Xã Đắk Sin**			
1	Tỉnh lộ 5	Ngã ba Ngân hàng	Ngã 3 cây xăng ông Hà	600.000
		Ngã 3 cây xăng ông Hà	Cầu Vũ Phong	470.000
		Cầu Vũ Phong	Hết Trường Trần Hưng Đạo	550.000
		Trần Hưng Đạo	Giáp ranh Đạo Nghĩa	300.000
		Ngã 3 Ngân hàng	Km 0 + 150 m (về hướng Hưng Bình)	550.000
		Km 0 + 150 m	Ngã 3 nhà ông Tự	380.000
		Ngã 3 nhà ông Tự	Giáp ranh xã Hưng Bình	200.000
2	Đường liên xã	Ngã ba cây xăng ông Hà	Hết đất nhà ông Sang	500.000
		Hết đất nhà ông Sang	Hết đất nhà bà Tuyên	350.000
		Hết đất nhà bà Tuyên	Giáp ranh xã Quảng Tín	100.000
3	Đường liên thôn	Ngã ba Ngân hàng	Trường Tiểu học Lê Hữu Trác (đường liên xã)	500.000
		Trường Lê Hữu Trác	Ngã ba cầu Tam Đa	300.000
		Cầu Tam Đa	Hết thôn 5	150.000
		Ngã ba cầu Tam Đa	Giáp ranh xã Hưng Bình	200.000
		Ngã ba ông Thái	Giáp ranh xã Đắk Ru (Đường liên xã)	100.000
		Ngã ba ông Tự	Ngã ba đường đi 208 (nhà ông Vân)	100.000
		Ngã 3 tỉnh lộ 5	Hết nhà ông Thái, thôn 10	100.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
4	Đường đi 208	Ngã 3 đi thôn 12, thôn 7	Hết đất nhà bà Bé Sáu	150.000
		Ngã 3 nhà ông Hùng	Hết đất nhà ông Tự	150.000
5	Đất khu dân cư còn lại			50.000
VIII	**Xã Hưng Bình**			
1	Tỉnh lộ 5	Đất nhà ông Nguyễn Phi Long (Giáp ranh xã Đăk Sin)	Ngã ba nhà ông Trương Văn Thuỷ	160.000
		Giáp nhà ông Trương Văn Thuỷ	Ngã ba nhà ông Vi Văn Hiện	120.000
		Giáp nhà ông Vi Văn Hiện	đất nhà ông Liễu Văn Hiếu	160.000
		Giáp nhà ông Liễu Văn Hiếu	Đất nhà ông Nguyễn Văn Bài (Văn)	250.000
		Giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Bài (Văn)	Chân dốc thác (giáp ranh thôn 1)	160.000
		Chân dốc thác (Giáp ranh thôn 2)	Cầu Tư	150.000
		Cầu Tư	Cầu ba (Giáp xã Đăk Ru)	100.000
2	Đường liên thôn 3, 5, 7	Ngã ba ông Trần Văn Thích (Đất nhà ông Thích)	Ngã ba nhà ông Vạn	100.000
3	Đường đi thôn 3	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Hiển	Hết đất nhà ông Hoàng Văn Tự (Trưởng)	250.000
		Giáp đất nhà ông Hoàng Văn Tự (Trưởng)	Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thiều	160.000
4	Đường liên thôn 4, 7	Đất nhà ông Quang (thôn 5)	Ngã ba Tỉnh lộ 5 (đất nhà ông Tạ Văn Long thôn 2)	60.000
5	Thôn 06	Đầu đập thôn 6 (đập C15)	Ngã 3 thôn 4	200.000
		Ngã 3 thôn 4	Hết đất nhà ông Khường	200.000
		Hết đất nhà ông Khường	Hết đất nhà ông Tính	200.000
6	Thôn 7	Cống ông Vạn (Giáp ranh thôn 6)	Hết đất nhà ông Hoàn	100.000
7	Buôn Châu Mạ	Đất nhà bà Điểu Thị Đum (giáp ranh thôn 7)	Hết đất nhà bà Điểu Thị Brang	100.000
		Giáp đất nhà bà Điểu Thị Brang	Đến hết đất nhà ông Điểu Am	100.000
8	Đất khu dân cư còn lại			50.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
IX	**Xã Nghĩa Thắng**			
1	Tỉnh Lộ 5			
a	Hướng Kiến Thành	Trạm Y tế xã	Trường mẫu giáo Quảng Thuận	400.000
		Trường mẫu giáo Quảng Thuận	Ngã 3 đập tràn Quảng Chánh	400.000
		Ngã 3 đập tràn Quảng Chánh	Ngã 3 Quảng Chánh	400.000
		Ngã 3 đập tràn Quảng Chánh	Cống nước nhà Tư Rịa - Quảng Chánh	400.000
		Cống nước nhà Tư Rịa - Quảng Chánh	Ngã 3 nghĩa địa Quảng Trung	150.000
		Ngã 3 nghĩa địa Quảng Trung	Đầu đập hồ Cầu Tư	200.000
		Đầu đập hồ Cầu Tư	Giáp ranh xã Kiến Thành	100.000
b	Hướng Đạo Nghĩa	Trạm xá xã	Ngã 3 chợ	1.200.000
		Ngã 3 chợ	Ngã 3 nhà ông Tưởng	600.000
		Ngã 3 nhà ông Tưởng	Ngã 3 nhà ông Thái	400.000
		Ngã 3 nhà ông Thái	Giáp ranh xã Đạo Nghĩa	200.000
2	Đường liên xã	Giáp ranh xã Nhân Đạo	Cách ngã 3 Pi Nao III - 200m	200.000
		Ngã 3 Pi Nao	03 phía 200 m	400.000
		Qua Ngã 3 Pi Nao III + 200m	Hết nhà ông Lý	300.000
		Hết nhà ông Lý	Hết nhà ông Chì	400.000
		Trường cấp III Km 0	Ngã 3 nhà ông Kế (Quảng Chánh)	250.000
		Ngã 3 nhà ông Kế (Quảng Chánh)	Ngã 3 Quảng Chánh	200.000
		Ngã 3 chợ	Cầu Quảng Phước - Đạo Nghĩa	300.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
3	Đường liên thôn	Ngã 3 Pi Lao III + 200m	Ngã 3 đường Hai Bé	150.000
		Ngã 3 nhà ông Kế	Xóm mít giáp ranh Đạo Nghĩa	100.000
		Ngã 3 Quảng Chánh	Hết nhà ông Mao	100.000
		Ngã 3 Quảng Tiến nhà bà Tươi	Ngã 3 đường vào UBND xã	150.000
		UBND xã	Cống nước nhà ông Thu, Quảng Lợi	100.000
		Ngã 3 Quảng Tiến nhà ông Thái	Cống nước nhà ông Châu	100.000
		Ngã 3 Quảng Tiến nhà bà Minh	Hết nhà ông Mầu	100.000
		Trường cấp III	Giáp ranh xã Đạo Nghĩa	100.000
4	Đất ở các khu dân cư còn lại			50.000
X	**Xã Quảng Tín**			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Kiến Thành	Ngã ba hết trụ sở Công ty cà phê Đắk Nông	600.000
		Hết ngã ba Công ty Cà phê Đắk Nông	Đến hết ngã ba vào tổ 1 thôn 3	500.000
		Ngã ba vào tổ 1 thôn 3	Đến hết ngã ba bon Bu Dách	
			- Tà luy dương	300.000
			- Tà luy âm	200.000
		Ngã ba vào đường Bon Bù Đách	Ngã ba đi đường vào Đăk Ngo	800.000
		Ngã ba đi vào đường Đắk Ngo thôn 5	Ngã ba đường vào tổ 5, thôn 5	1.000.000
		Ngã ba đi đường vào tổ 5, thôn 5 hết nhà ông Hùng	Đến giáp xã Đắk Ru	500.000
2	Các tuyến đường giáp Quốc lộ 14			
a	Đường xã Đắk Sin thôn 10	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 +200 m	400.000
		Km 0+200 m	Km 0 +1.000 m	250.000
		Km 0 +1.000 m, ranh giới hộ ông Trí	Đến ngã 3 nhà ông An	200.000
		Ngã 3 nhà ông An	Đến giáp ranh giới xã Đắk Sin	100.000
b	Đường nhánh thôn 3 tiếp giáp Quốc lộ 14	Km 0 (Quốc lộ 14)	Đường dây 500 kv	150.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
c	Đường ngã 3 Bon Bu Bia đi Đắk Ka	Km 0 Quốc lộ 14	Cầu 1	200.000
		Cầu 1	Cầu 2 xã Đắk Ru	100.000
d	Đường thôn 4 (Bon Ol)	Km 0 Quốc lộ 14	Đến cầu sắt Sađaco	150.000
		Cầu sắt Sađacô	Đến nhà ông Hoá, thôn Sađacô	200.000
		Nhà ông Hoá, thôn Sađacô	Trục đường đi dốc miếu. Trục đường đi hết thôn 9	100.000
e	Đường bon Bu Dách	Km 0 (Quốc lộ 14)	Đến hết đường	200.000
f	Ngã ba Công ty Cà phê Đắk Nông đến hết đường	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 +300 (đến hết dốc nhà ông Âu)	200.000
		Km 0 (Quốc lộ 14) +300	đến hết đường	100.000
g	Ngã ba thôn 5 đi Đắk Ngo	Km 0 (Quốc lộ 14)	Hội trường thôn 5	350.000
		Hội trường thôn 5	đến suối Đắk R'lấp	200.000
h	Ngã ba vào đội lâm trường củ	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km 0 +200 m	300.000
i	Đường vào tổ 1 thôn 2	Km 0 (Quốc lộ 14)	Hết đường	150.000
	Đường vào tổ 4 thôn 2	Km 0 (Quốc lộ 14)	Hết đường	200.000
3	Đường cạnh nhà Hùng Dương	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km0 + 1.500 m	150.000
		Km 0 + 1.500 m	hết đường	100.000
4	Đường cạnh Công ty Gia Mỹ	Km 0 (Quốc lộ 14)	Km0 + 1000 m	150.000
		Từ ngã 3 mộ Tám Của	Ngã 3 đội Lâm trường (cũ)	150.000
5	Đường Thôn 1	Km 0 (Quốc lộ 14)	Hội trường thôn 1	200.000
		Hội trường thôn 1	Đường đi Đắk Ka	150.000
6	Đất ở các khu dân cư còn lại			50.000
XI	**Xã Đắk Ru**			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Quảng Tín	Cột mốc 882 (Quốc lộ 14)+50 m	400.000
		Cột mốc 882 (Quốc lộ 14)+50 m	Cột mốc 883 (Quốc lộ 14)+500m	700.000
		Cột mốc 883 (Quốc lộ 14)+500 m	Cột mốc 885 (Quốc lộ 14)	400.000
		Cột mốc 885 (Quốc lộ14)	Cột mốc 886 (Quốc lộ 14)+400 m	700.000
		Cột mốc 886 (Quốc lộ 14)+400m	Ranh giới tỉnh Bình Phước	400.000
2	Các đường nhánh chính tiếp giáp với Quốc lộ 14			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
a	Tỉnh lộ 5	Ngã 3 Quốc lộ 14	Ngã 3 cửa rừng + 200 m	350.000
		Ngã 3 cửa rừng +200 m	Cầu số I	200.000
		Cầu số I	Cầu số 3(Giáp xã Hưng Bình)	100.000
b	Đường vào TT KTM Đắk Ru	Ngã 3 Quốc lộ 14	Ngã 3 thôn Đoàn Kết, Tân Bình, Tân Tiến, Tân Phú	200.000
		Ngã 3 thôn Đoàn Kết, Tân Bình, Tân Tiến, Tân Phú	Đập Đắk Ru 2 thôn Tân Tiến	150.000
		Đập Đắk Ru 2 thôn Tân Tiến	Ngã 3 đường vào thôn Đoàn Kết	100.000
		Ngã 3 đường vào thôn Đoàn Kết, Tân Bình, Tân Tiến, Tân Phú	Hết thôn Tân Phú	150.000
c	Đường vào E 720	Ngã 3 Quốc lộ 14	Ngã 3 nhà văn hoá Bon Bu Srê I	250.000
		Ngã 3 nhà văn hoá Bon Bu Srê I	Ngã 3 đường vào thôn Tân Lợi	150.000
		Ngã 3 đường vào thôn Tân Lợi	Giáp ranh xã Đắk Ngo	100.000
		Ngã 3 nhà văn hoá Bon Bu srê I	Thuỷ điện Đắk Ru	100.000
d	Đường vào thôn Tân Lợi	Km0 (Quốc lộ14)	Km0 + 500	200.000
e	Đường vào thôn 8	Km0 (Cầu 2 ranh giới xa Quãng Tín)	Km0 + 500	150.000
		Km0 + 500	Ngã 3 quán Chín	200.000
		Ngã 3 quán Chín	Giáp Tỉnh lộ 5	100.000
		Ngã 3 quán Chín	Cầu Sập	100.000
f	Đường vào thôn Tân Lập	Km0 (Cầu 2 ranh giới xã Quãng Tín)	Km 1	100.000
		Km 1	Km 2 + 500	100.000
		Km 2 + 500	Ranh giới xã Đắk Sin	100.000
g	Đường vào nhà thờ	Ngã 3 QLộ 14	Giáp hồ thôn 6	200.000
3	Đất ở các khu dân cư còn lại			50.000

7. Huyện Krông Nô

Đơn vị tính: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
I	**TT. Đắk Mâm**			
1	Đường tỉnh lộ 4	Cột mốc km số 16 Tỉnh lộ 4 (cầu 1, giáp Xã Nam Đà)	Ngã tư Bến xe	2.500.000
		Ngã 4 Bến xe	Ngã 4 Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn	3.500.000
		Ngã 4 Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn	Giáp ranh giới Xã Đắk Drô (Ngã 3 Buôn Ol trường Mẫu giáo Họa Mi)	2.500.000
2	Đường tỉnh lộ 3	Ngã Tư bến xe	Ngã 3 tổ dân phố số 5	1.000.000
		Ngã 3 tổ dân phố số 5	Đường dây 500 KV	800.000
		Đường dây 500 KV	Ngã 3 buôn DRu	600.000
		Ngã 3 buôn DRu	Ngã 3 buôn Dốc Linh	500.000
		Ngã 3 buôn Dốc Linh	Hướng đi xã Nam Xuân + 300 m	350.000
		Ngã 3 buôn Dốc Linh (Hướng đi xã Nam Xuân) + 300 m	Cầu cháy	250.000
		Ngã 3 buôn Dốc Linh (Đường đi Tân Thành)	Ngã 3 vào Nhà văn hóa cộng đồng Buôn Broih	350.000
		Ngã 3 vào Nhà cộng đồng Buôn Broih	Đường đi vào Mỏ đá	250.000
		Đường đi vào Mỏ đá	Giáp ranh xã Tân Thành	200.000
3	Đường đi tổ dân phố số 6	Ngã 3 Tỉnh lộ 4 (Trường THPT)	Ngã 3 tổ dân phố số 5	800.000
4	Đường đi tổ dân phố số 3	Ngã 4 Ngân hàng Nông Nghiệp	Ngã 3 tổ dân phố số 3	800.000
		Ngã tư Bến xe	Ngã 3 tổ dân phố số 3	800.000
5	Đường nhựa trung tâm thị trấn	Ngã 4 Ngân hàng Nông Nghiệp	Ngã 3 giáp tỉnh lộ 4 (qua trụ sở UBND huyện)	500.000
6	Đường đi tổ dân phố số 3	Ngã 3 chợ huyện	Tổ dân phố số 3 (giáp đường nhựa)	1.000.000
7	Đất ở các trục đường nhựa khu trung tâm Thị trấn			450.000
8	Đất ở các ven trục đường còn lại của khu Trung tâm Thị trấn			200.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
9	Đường đi khu bốn bìa (thôn Đắc Lập, xã Đắk Drô)	Ngã 3 Nông - Lâm (giáp Tỉnh lộ 3)	Giáp ranh giới xã Đắk Drô	400.000
10	Đường N4.1	Từ giáp đường N13 (từ chợ đi tổ dân phố 3)	Giáp đường N7 (Tỉnh lộ 3 nối dài)	700.000
11	Đường N25	Từ giáp đường N13 (từ chợ đi tổ dân phố 3)	Giáp đường N7 (Tỉnh lộ 3 nối dài)	700.000
12	Các tuyến đường bê tông trong khu trung tâm thị trấn Đắk Mâm			350.000
13	Các tuyến đường bê tông ven khu trung tâm thị trấn Đắk Mâm			250.000
14	Đất ở thôn Đắk Tân và thôn Đắk Hưng			90.000
15	Đất ở các khu dân cư còn lại			150.000
II	**Xã Đắk Drô**			
1	Đường Tỉnh lộ 4	Ngã 3 Buôn Ol (trường mẫu giáo Họa Mi) + 200 m	Ngã 3 vào TTGDTX	1.200.000
		Ngã 3 vào TTGDTX	Trường Nguyễn Thị Minh Khai	800.000
		Trường Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã 3 của Lâm nghiệp 3	450.000
		Ngã 3 lâm nghiệp 3	Ngã 3 Hàm Sỏi: -100	350.000
		Ngã 3 Hàm Sỏi : -100	Ngã 3 Hàm Sỏi: +100	400.000
		Đoạn đường còn lại của tỉnh lộ 4		280.000
2	Đường đi Buôn Choah	Km 0 (Tỉnh lộ 4)	Km 0 + 100 m	320.000
		Km 0 + 100 m	Ngã 3 buôn Ol (nhà ông Bá) + 100 m	200.000
		Ngã 3 buôn Ol (nhà ông Bá) + 100 m	Giáp ranh xã Buôn Choah	100.000
3	Ngã 3 xưởng cưa (giáp Tỉnh lộ 4)	Ngã 3 xưởng cưa	Hết đường vào nhà ông Y Thịnh	200.000
4	Đường lên bãi vật liệu xưởng cưa (giáp Tỉnh lộ 4)			100.000
5	Đường đi Nâm Nung	Ngã 3 Hầm Sỏi	Đường dây 500 KV	200.000
		Đường dây 500 KV	Giáp ranh xã Nâm Nung	170.000
6	Đường đi Bon Jang Trum	Ngã 3 Tỉnh lộ 4	Ngã 3 Bon Jang Trum	330.000
		Ngã 3 Bon Jang Trum	Đường dây 500 KV (hết thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10)	200.000
		Ngã 3 Bon Jang Trum	Giáp ranh xã Tân Thành	200.000
7	Đường thôn Đắk Hợp	Ngã 3 Tỉnh lộ 4	Hết sân vận động Đắk Mâm	350.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
8	Ngã tư cầu bốn bìa (thôn Đắk Lập)	Ngã tư Km 0 (hướng đi thị trấn Đắk Mâm)	Ngã tư + 300 mét	200.000
		Ngã tư + 300 m	Giáp ranh giới thị trấn Đắk Mâm	120.000
9	Đường Ngang nối tỉnh lộ 4 với đường đi Buôn Choah	Giáp Tỉnh lộ 4	Giáp đường đi Buôn Choah	150.000
10	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000
III	**Xã Tân Thành**			
1	Đường đi Nâm Nung	Km 0 (Ngã 3 trảng bò đi thôn Đắk Na, Đắk Ri)	Ngã 3 Đắk Hoa (đi Đắk Drô)	320.000
2	Đường đi Thị trấn Đắk Mâm	Km 0 (Ngã 3 trảng bò đi thôn Đắk Na, Đắk Ri)	Hướng đi Thị trấn Đắk Mâm + 200 m	250.000
		Các đoạn còn lại trên đường nhựa		160.000
3	Đường đi xã Đắk Drô	Ngã 3 Đắk Hoa (đi Đắk Drô)	Giáp ranh xã Đắk Drô	160.000
4	Đường đi làng Dao (thôn Đắk Na)	Km 0 (Ngã 3 trảng bò đi thôn Đắk Na, Đắk Ri)	Km 0 +300 m	150.000
5	Đất ở các khu dân cư còn lại			60.000
IV	**Xã Buôn Choah**			
1	Khu trạm y tế +100 mét về hai phía			140.000
2	Đường vào xã Buôn Choah, từ ngã 3 đường tránh lũ về 3 phía, mỗi phía 100 m			130.000
3	Đất ở các khu dân cư còn lại			60.000
V	**Xã Nam Đà**			
1	Đường tỉnh lộ 4	Ngã 5 xã Nam Đà (Hướng Cư Jút)	Ngã 5 xã Nam Đà (hướng Cư Jút) + 200 m	1.450.000
		Ngã 5 xã Nam Đà (Hướng Cư Jút) + 200 m	Ngã 3 vào Nghĩa địa Nam Đà	1.200.000
		Ngã 3 vào Nghĩa địa Nam Đà	Giáp ranh giới xã Đắk Sôr	460.000
		Ngã 5 Nam Đà (Hướng Đắk Mâm)	Ngã 5 Nam Đà (Hướng Đắk Mâm) + 200 m	1.450.000
		Ngã 5 Nam Đà (Hướng Đắk Mâm) +200 m	Ngã 3 trục 9	1.000.000
		Ngã 3 trục 9	Cầu 1 (Giáp ranh giới TT. Đắk Mâm)	1.200.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
2	Đường trục chính Nam Đà	Ngã 5 Tỉnh lộ 4	Hết sân vận động	1.000.000
		Hết Sân vận động	Cầu ông Thải	550.000
		Cầu ông Thải	Hết đường nhựa	300.000
		Hết đường nhựa	Cuối nhà ông Đích	200.000
3	Đường nhựa trục 9	Tiếp giáp tỉnh lộ 4	Ngã tư nhà ông Kha	450.000
		Ngã tư nhà Ông Kha	Trường mẫu giáo	320.000
		Trường mẫu giáo	Giáp cầu An Khê	210.000
		Tiếp giáp trục 9 (Thôn Nam Trung)	Giáp cầu Đề Bô	100.000
4	Các khu dân cư trên các trục đường (1-8;10-12)			120.000
5	Đường đi trạm 35KV	Tiếp giáp tỉnh lộ 4	Hết đập tràn Đắk Mâm	160.000
6	Đường thôn Nam Hải	Thôn Nam Hải	Xã Đắk Rô	160.000
7	Đường đi Nam Xuân	Ngã 5 Nam Đà	Hết đường nhựa	450.000
		Tiếp giáp đường nhựa	Cầu Nam Xuân	240.000
8	Đường Nam Tân	Tiếp giáp cầu Nam Trung	Hết đường	120.000
9	Đất ở các khu dân cư còn lại			80.000
VI	**Xã Nâm N'Đir**			
1	Đường Tỉnh lộ 4	Ngã 4 Thôn 9	Ngã 3 ông Quân (về hướng Đắk Drô)	550.000
		Ngã 3 nhà ông Quân (hướng đi xã Đắk Drô)	Đến hết khu dân cư thôn Quảng Hà (đầu dốc)	400.000
		Km 0 (Ngã tư thôn 9)	Km0+500 m (về hướng Đ. Xuyên)	750.000
	Đất ở các khu vực còn lại trên Tỉnh lộ 4			300.000
2	Đường nối Tỉnh lộ 4 qua trụ sở UBND xã Nâm N'Đir	Cả tuyến đường		700.000
3	Đường vào xã Nâm Nung	Km0 (ngã 4 Tỉnh lộ 4)	Km 0 + 300 m	450.000
		Km 0 + 300 m	Ranh giới xã Nâm Nung	300.000
4	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
VII	**Xã Nâm Nung**			
1	Đường trục chính xã	Giáp ranh xã Nâm N'Đir	Ngã 3 Công ty LN Nam Nung (- 200m)	200.000
		Ngã 3 Công ty Lâm nghiệp Nam Nung (- 200m)	Ngã 3 Công ty Lâm nghiệp Nam Nung (+ 200m)	300.000
		Ngã 3 Công ty LN Nam Nung (+ 200m)	Cầu Đắk Viên	250.000
		Cầu Đắk Viên	Ngã 3 Nam Nung -200 mét	300.000
		Ngã 3 Nam Nung - 200 m	Ngã 3 Nam Nung + 200 m	350.000
		Ngã 3 Nam Nung + 200 m	Giáp ranh giới xã Tân Thành	200.000
2	Đường Hầm sỏi	Ngã 3 UBND xã (Hướng Hầm sỏi)	Giáp ranh xã Đắk Drô	200.000
3	Đường Bon Ja Ráh	Ngã 3 Nam Nung	Trường mầm non Hoa Pơ Lang	150.000
4	Khu vực ba tầng	Ngã 3 ông An (cộng +, trừ - 200 m)		100.000
5	Các trục đường trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã	Tuyến D1	Tuyến N9	150.000
		Tuyến N1		150.000
		Tuyến N8		100.000
		Tuyến N9		100.000
		Tuyến D6	Tuyến N9	120.000
		Tuyến D10	Tuyến N9	100.000
6	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000
VIII	**Xã Nam Xuân**			
1	Đường nối tỉnh lộ 3 với Tỉnh lộ 4	Ngã 3 tỉnh lộ 3 (hướng đi Xã Đắk Sôr)	Hướng đi xã Đắk Sôr + 100 m	320.000
		Hướng đi xã Đắk Sôr +100 m	Đến ranh giới xã Đắk Sôr	250.000
2	Đường Tỉnh lộ 3	Ngã 3 Tỉnh lộ 3 (hướng đi TT. Đắk Mâm)	Hướng đi TT. Đắk Mâm + 100 m	320.000
		Hướng đi TT. Đắk Mâm + 100 m	Ranh giới TT. Đắk Mâm	250.000
		Ngã 3 Tỉnh lộ 3 (hướng đi Đắk Mil)	Ngã 3 Trường Nguyễn Bá Ngọc + 200 m	320.000
		Ngã 3 Trường Nguyễn Bá Ngọc + 200 m	Giáp ranh huyện Đắk Mil	180.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
3	Đường đi Sơn Hà	Km 0 (Ngã 3 Trường Nguyễn Bá Ngọc)	Km 0 + 200 m	160.000
		Km 0 + 200 m	Ngã 3 nhà ông Sinh (thôn Nam Sơn)	100.000
3	Đường đi Đắk Hợp	Ngã 3 Tư Anh	Ngã 3 thôn Đắk Hợp	90.000
4	Đường đi suối Boong	Ngã 3 Tư Anh	Cầu suối Đắk Ơi	100.000
5	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000
IX	**Xã Đắk Sô**			
1	Đường tỉnh lộ 4	Ngã 3 Gia Long (Hướng Cư Jút)	Đến hết đất ông Nguyễn Thanh Bình	550.000
		Từ hết đất ông Nguyễn Thanh Bình	Đến hết đất ông Mã Văn Chóng	400.000
		Từ hết đất ông Mã Văn Chóng	Đến hết đất ông Dương Ngọc Dinh	450.000
		Ngã 3 Gia Long (Hướng đi thị trấn Đắk Mâm)	Giáp ranh giới xã Nam Đà	550.000
	Đất ở các khu vực còn lại trên tỉnh lộ 4			300.000
2	Đường Tỉnh lộ 3 nối với Tỉnh lộ 4	Ngã 3 Gia Long	Hết đất ông Phạm Văn Lâm	300.000
		Từ hết đất ông Phạm Văn Lâm	Giáp ranh giới Xã Nam Xuân	250.000
3	Các Trục đường QH khu dân cư mới (Khu rừng Tếch cũ)			210.000
4	Khu dân cư thôn Đức Lập	Đầu đường bê tông	Đến hết đất bà Bạch Thị Hiền	100.000
5	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000
X	**Xã Đắk Nang**			
1	Tỉnh lộ 4	Ngã 4 (giáp ranh xã Đức Xuyên)	Cống thôn Phú Cường	450.000
2	Đất ở các khu vực còn lại trên tỉnh lộ 4			300.000
3	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000
XI	**Xã Đức Xuyên**			
1	Đường Tỉnh lộ 4	Mương thuỷ lợi (K.NT4a)	Ngã 3 vào trạm Y tế xã	700.000
2	Đất ở các khu vực còn lại trên Tỉnh lộ 4			450.000
3	Đường vào trường Nguyễn Văn Bé	Ngã 3 ông Thạnh	Hết trường Nguyễn Văn Bé	200.000
4	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
XII	**Xã Quảng Phú**			
1	Đường Tỉnh lộ 4	Giáp ranh Xã Đắk Nang	Trạm Kiểm lâm	480.000
		Trạm Kiểm lâm	Cuối thôn Phú Sơn (giáp Quảng Sơn)	300.000
2	Đường vào thôn Phú Lợi	Ngã 3 xưởng cưa Hải Sơn	Bến nước Buôn K'tăk	160.000
3	Đường nhà máy thuỷ điện Buôn Tua Srah	Ngã 3 đường vào thuỷ điện	Hết nhà ông Bảo	320.000
		Ngã 3 đường vào thuỷ điện	Cầu Nam Ka	320.000
		Km 0 (Ngã 3 đường vào thuỷ điện)	Km 0 + 100m (hướng bến nước Buôn K'tăh)	320.000
4	Đường vào khu tái định cư thuỷ điện	Ngã ba Tỉnh lộ 4	Giáp xã Quảng Hoà	150.000
5	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000

8. Huyện Tuy Đức

Đơn vị tính: Đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường			Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến		
I	**Xã Quảng Tân**				
1	Tỉnh lộ 1	Giáp ranh thị trấn Kiến Đức	Cống nước (Hết khu dạy nghề Trường 6)	Tà luy dương	250.000
				Tà luy âm	200.000
		Cống nước (Hết khu dạy nghề Trường 6)	Hết trường cấp I - Phan Bội Châu	Tà luy dương	300.000
				Tà luy âm	220.000
		Hết trường cấp I - Phan Bội Châu	Ngã 3 nhà ông Hà Xuân	Tà luy dương	180.000
				Tà luy âm	150.000
		Ngã 3 nhà ông Hà Xuân	Hết đất nhà bà Thuật	Tà luy dương	250.000
				Tà luy âm	180.000
		Giáp đất nhà bà Thuật	Ngã 3 cây xăng Ngọc My + 200 m		300.000
		Ngã 3 cây xăng Ngọc My + 200 m	Hết đất nhà ông Huy		200.000
		Giáp đất nhà ông Huy	Cầu Doãn Văn (giáp xã Đắk R'tih)	Tà luy dương	200.000
				Tà luy âm	150.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến	
2	Đường liên xã	Km 0 (ngã 3 trường 6)	Giáp đất nhà ông Thuận	300.000
		Giáp đất nhà ông Thuận	Hết đất trung tâm trường 6	200.000
		Khu trung tâm trường 6	Cống nước nhà bà Hường	150.000
		Cống nước nhà bà Hường	Hết đất nhà ông bảy Dỉnh	120.000
		Giáp đất nhà ông bảy Dỉnh	Hết đất nhà ông Vũ	100.000
		Km0 (ngã 3 cây xăng Ngọc My)	Hết đất nhà ông Vũ + Hết đất nhà Loan Hùng	150.000
		Giáp đất nhà Loan Hùng	Cầu Đắk R'tih	100.000
		Km 0 ngã 3 nhà ông Thịnh	Đến suối Đắk R'lấp	100.000
		Giáp xã Đắk R'tih	Giáp xã Đắk Wer	120.000
3	Các đường liên thôn còn lại			90.000
4	Đất ở của các khu dân cư còn lại			80.000
5	Đất ở khu dân cư còn lại bon Phum			50.000
II	**Xã Đắk R'tih**			
1	Tỉnh lộ 1	Giáp xã Quảng Tân	Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Lâm	120.000
		Giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Lâm	Ngã 3 hồ Doãn Văn	200.000
		Ngã 3 hồ Doãn Văn	Hết đất ông Phạm Hùng Hiệp	140.000
		Giáp đất ông Phạm Hùng Hiệp	Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Nhàn	120.000
		Giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Nhàn	Giáp xã Quảng Tâm	170.000

TT	Tên đường	Đoạn đường			Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến		
2	Đường liên xã	Ngã 3 giáp Tỉnh lộ 1	Ngã 3 đi Quảng Tân (đất nhà ông Trần Văn Cương)		100.000
		Ngã 3 đi Quảng Tân (đất nhà ông Mỹ)	Đến đất nhà ông Nguyễn Xuân Tuyền		120.000
		Đến đất nhà ông Nguyễn Xuân Tuyền	Ngã 3 (đường liên xã đi nhà ông Điểu K'Ré)		80.000
		Ngã 3 (đường liên xã đi nhà ông Điểu K'Ré)	Hết đất nhà ông Điểu An		100.000
		Giáp đất nhà ông Điểu An	Giáp Trạm Y tế mới của xã		120.000
		Trạm Y tế mới của xã	Hết đất nhà ông Lê Văn Nhân		200.000
		Đất nhà ông Lê Văn Nhân	Ngã 3 đi thôn 6 (nhà ông Phạm Anh Xinh)		120.000
		Ngã 3 đi thôn 6 (nhà ông Phạm Anh Xinh)	Ngã 3 tỉnh lộ 1 (Nhà máy Cao su)		100.000
		Ngã 3 đi thôn 6 (nhà ông Phạm Anh Xinh)	Giáp đất ông Điểu Phi Á (ngã 3 Tỉnh lộ 1)		80.000
		Ngã 3 trung tâm xã	Cầu Đắk R'Tih (thôn 4)		200.000
		Cầu Đắk R'Tih (thôn 4)	Giáp xã Quảng Tân		110.000
		Ngã 3 thôn 4	Đập Đắk Liêng		120.000
3	Đường vào Trung tâm xã	Tỉnh lộ 1 (giáp nhà máy đá)	Ngã 3 thôn 4 (đối diện nhà Võ Thị Tuyết)		100.000
4	Đường liên thôn	Giáp xã Quảng Tân (đường đi Bon DaNú AB)	Giáp khu B trường 5 (Trường 1)		100.000
5	Các đường liên thôn còn lại				80.000
6	Đất ở của các khu dân cư còn lại				60.000

TT	Tên đường	Đoạn đường			Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến		
III	**Xã Đắk Ngo**				
1	Đường Trung đoàn 720	Cầu Đắk R'lấp	Ngã 3 cầu Đắk Ké		80.000
		Ngã 3 cầu Đắk Ké	Ngã 3 720 đi Nông trường cà phê Đắk Ngo		90.000
		Ngã 3 720 đi Nông trường cà phê Đắk Ngo	Cầu đội 3 - E 720		100.000
		Cầu đội 3 - E 720	Ngã 3 đội 8 - E 720		90.000
		Ngã 3 đội 8 - E 720	Trạm liên ngành (ngã 3 đi Đắk Nhau)		80.000
		Trạm liên ngành (ngã 3 đi Đắk Nhau)	Hết đất Trụ sở 2 Công ty Lâm nghiệp Quảng Tín		130.000
		Giáp đất Trụ sở 2 Công ty Lâm nghiệp Quảng Tín	Giáp xã Quảng Tâm		80.000
2	Đường từ cầu Đắk Nguyên đến 3 bon Điêng Đu (giáp nhà ông Điểu Lia)	Cầu Đắk Nguyên	Ngã tư Nông trường 719 (giáp nhà Thắng Sen)		80.000
		Ngã tư Nông trường 719 (giáp nhà Thắng Sen)	Cầu Đắk Ngo		120.000
		Cầu Đắk Ngo	Cầu Đắk Loan		110.000
		Cầu Đắk Loan	Ngã 3 bon Điêng Đu (giáp nhà Điểu Lia)		90.000
3	Đường 719	Ngã 3 đi 720, 719 (gần nhà ông Sở)	Ngã 4 (giáp nhà ông Thắng Sen)		80.000
4	Đường Philte	Ngã 3 Philte (giáp nhà ông Sự)	Hết đất nhà ông Điểu Pách		70.000
5	Đường thôn 7	Ngã 3 (giao với đường Philte)	Cầu Đắk R'lấp		70.000
		Ngã 3 (giáp nhà ông Tung Danh)	Ngã 3 gần nhà ông Rộng		80.000
6	Đường vào đội 1 E-720	Ngã 3 giao đường chính trung đoàn 720	Đi vào đội 1 (01 km)		70.000
7	Đường vào đội 4 E-720	Ngã 3 giao đường chính trung đoàn 720	Đi vào đội 4 E 720 (xóm người Mông)		70.000
8	Đường vào đội 6 E-720	Ngã 3 giao đường chính trung đoàn 720	Đi vào đội 6 E720 01 km		70.000

TT	Tên đường	Đoạn đường			Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến		
9	Đường vào đội 8 E-720	Ngã 3 giao đường chính trung đoàn 720	Đi vào đội 8 E 720 (đến trường học)		70.000
10	Đường vào điểm dân cư số 1 (ĐB Mông)	Ngã 3 giao đường chính trung đoàn 720	Đi vào điểm dân cư số 1 (ĐB Mông)		70.000
11	Đất ở của các các dân cư số 1 và số 2 thuộc Dự án 1541				50.000
12	Các đường liên thôn còn lại				60.000
13	Đất ở của các khu dân cư còn lại				50.000
IV	**Xã Quảng Tâm**				
1	Tỉnh lộ 1	Giáp xã Đắk R'tih (Ngã ba Phi A)	Giáp đất nhà ông Điểu Lơm		120.000
		Nhà ông Điểu Lơm	Ngã 3 đi thôn Tày, Nùng		100.000
		Ngã 3 đi thôn Tày, Nùng	Giáp đất xưởng cưa		120.000
		Đất xưởng cưa	Ngã 3 vào bãi 2 (-150 m)		170.000
		Ngã 3 vào bãi 2 (-150 m)	Ngã 3 vào bãi 2 (+150 m)		250.000
		Ngã 3 vào bãi 2 (+150 m)	Ngã 3 Trung đoàn 726 (-100 m)		190.000
		Ngã 3 Trung đoàn 726 (-100 m)	Ngã 3 Trung đoàn 726 (+100 m)		200.000
		Ngã 3 Trung đoàn 726 (+100m)	Hết đất nhà ông Cường		220.000
		Giáp đất nhà ông Cường	Ngã 3 đường vào trường Tiểu học Lê Lợi	Tà luy dương	230.000
				Tà luy âm	210.000
		Ngã 3 đường vào trường Tiểu học Lê Lợi	Hết đất Hạt quản lý đường bộ	Tà luy dương	250.000
				Tà luy âm	200.000
		Giáp đất Hạt quản lý đường bộ	Giáp xã Đắk Buk So		270.000

TT	Tên đường	Đoạn đường			Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến		
2	Đường liên xã	Km 0 (Ngã 3 bãi 2)	Km 0+200 m (Đường đi Đăk Ngo)		140.000
		Km 0+200 m (Đường đi xã Đăk Ngo)	Ngã 3 thác Đăk Glung		120.000
		Ngã 3 thác Đăk Glung	Ngã 3 thác Đăk Glung + 1Km		100.000
		Ngã 3 thác Đăk Glung + 1Km	Giáp xã Đăk Ngo		80.000
		Ngã 3 Trung đoàn 726	Cầu mới (Đập đội 2)		120.000
		Cầu mới (Đập đội 2)	Hết mỏ đá		90.000
		Giáp Mỏ đá	Giáp xã Quảng Trực		70.000
3	Đường khu dân cư số 2	Trục đường số 3, 4			250.000
		Trục đường số 2		Tà luy dương	200.000
				Tà luy âm	150.000
		Trục đường số 1		Tà luy dương	200.000
				Tà luy âm	150.000
		Trục đường số 5,6			200.000
4	Tỉnh lộ 1 đi Thôn 5				100.000
5	Các đường liên thôn còn lại				60.000
6	Đất ở của các khu dân cư còn lại				50.000
V	**Xã Đắk Buk So**				
1	Tỉnh lộ 1	Giáp xã Quảng Tâm	Hết đất nhà ông Đảm	Tà luy dương	220.000
				Tà luy âm	180.000
		Giáp đất nhà ông Đảm	Hết đất bà Hậu	Tà luy dương	200.000
				Tà luy âm	180.000
		Giáp đất bà Hậu	Hết đất nhà ông Long	Tà luy dương	300.000
				Tà luy âm	270.000
		Giáp đất nhà ông Long	Giáp đất Trung tâm Cao su	Tà luy dương	450.000
				Tà luy âm	400.000
		Đất trung tâm Cao su	Hết đất nhà ông Trung		280.000
		Giáp đất nhà ông Trung	Hết đất nhà ông Chính	Tà luy dương	200.000
				Tà luy âm	150.000
		Giáp đất nhà ông Chính	Giáp huyện Đăk Song	Tà luy dương	150.000
				Tà luy âm	120.000

TT	Tên đường	Đoạn đường			Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến		
2	Quốc lộ 14C	Ngã 3 đồn 9	Ngã 3 cây he		90.000
		Ngã 3 nhà ông Tanh (Thị Thuyền)	Hết đất nhà ông Vỹ		100.000
3	Tỉnh lộ 6	Ngã 3 Tỉnh lộ 1 (Nhà ông Cúc)	Cống nước nhà ông Tú		400.000
		Cống nước nhà ông Tú	Hết đất nhà ông Quyền	Tà luy dương	360.000
				Tà luy âm	260.000
		Giáp đất nhà ông Quyền	Hết đất nhà ông Tanh (Thị Thuyền)	Tà luy dương	250.000
				Tà luy âm	200.000
		Giáp đất nhà ông Tanh (Thị Thuyền)	Hết đất nhà ông Điểu Tỉnh	Tà luy dương	150.000
				Tà luy âm	110.000
		Giáp đất nhà ông Điểu Tỉnh	Hết đất nhà ông Hà Niệm Long (Thôn 8)	Tà luy dương	140.000
				Tà luy âm	120.000
		Hết đất nhà ông Hà Niệm Long	Nhà ông Long thôn 6	Tà luy dương	180.000
				Tà luy âm	160.000
		Nhà ông Long thôn 6	Giáp xã Đắk N'Drung		120.000
4	Đường liên xã	Ngã 3 cửa hàng miền núi	Ngã 3 đường vào thôn 1		350.000
		Ngã 3 đường vào thôn 1	Hết đất ông Trìu	Tà luy dương	220.000
				Tà luy âm	200.000
		Nhà ông Trìu	Đập Đắk Blung	Tà luy dương	170.000
				Tà luy âm	140.000
		Đập Đắk Blung	Giáp xã Quảng Trực		100.000
5	Đường vòng quanh sân bay	Ngã 3 Tỉnh lộ 1 (Nhà Nguyên Thương)	Ngã 3 Tỉnh lộ 1 (trước nhà ông Đảm)		120.000
6	Đường nối tỉnh lộ 1 vào khu trung tâm hành chính	Ngã 3 tỉnh lộ 1 (Nhà ông Cẩm)	Đầu khu QH dân cư điểm 11		200.000
		Đầu khu QH dân cư điểm 11	Giáp đất nhà ông Phong	Tà luy dương	140.000
				Tà luy âm	120.000
		Giáp đất nhà ông Phong	Hết đất nhà ông Cường		150.000
		Đất nhà ông Cải	Hết đất nhà ông Cường		150.000

TT	Tên đường	Đoạn đường			Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến		
7	Đường đi bệnh viện	Ngã 3 Quốc lộ 14C (UBND xã)	Giáp đài tưởng niệm Liệt sĩ		180.000
		Đài tưởng niệm Liệt sĩ	Giáp đất bệnh viện huyện		150.000
		Đất Bệnh viện huyện	Ngã 3 Quốc lộ 14C (Trường TH La Văn Cầu)		180.000
8	Đường liên thôn	Ngã 3 Thác Đắk Buk So	Hết đất nhà ông Nhậm	Tà luy dương	150.000
				Tà luy âm	120.000
		Đất nhà ông Nhậm	Cống nước nhà ông Hưởng		80.000
		Cống nước nhà ông Hưởng	Giáp Đắk Song		100.000
		Đất nhà ông Khôi	Hết đất nhà ông Mãi (Thôn 5)		130.000
		Nhà ông Khảm	Hết nhà ông Điểu Tích		150.000
		Ngã 3 Tỉnh lộ 1 (Quốc lộ 14C)	UBND xã (qua trường Hoa Pơ Lang		120.000
9	Các đường liên thôn còn lại				90.000
10	Đất ở của các khu dân cư còn lại				80.000
VI	**Xã Quảng Trực**				
1	Quốc lộ 14C	Ngã 3 cây he	Ngã 3 đường vào Công ty LN Nam Tây Nguyên		80.000
		Ngã 3 đường vào Công ty LN Nam Tây Nguyên	Hết đất Trạm xá Trung đoàn 726		130.000
		Hết đất Trạm xá Trung đoàn 726	Ngã 3 Bon Bu NJăr		150.000
		Ngã 3 Bon Bu NJăr	Ngã 3 đường Quốc lộ14C mới		110.000
		Ngã 3 đường Quốc lộ 14C mới	Trạm cửa khẩu Bu Prăng		100.000
		Ngã 3 Quốc lộ 14C (cũ)	Cầu Mới Bon Bu Ja		90.000
		Cầu Mới Bon Bu Ja	Giáp xã Quảng Tâm		80.000

TT	Tên đường	Đoạn đường			Đơn giá đất năm 2013
		Từ	Đến		
2	Đường vào xã	Ngã 3 Quốc lộ 14C (cũ)	Bưu điện Văn hóa xã		150.000
		Bưu điện Văn hóa xã	Ngã 3 Bon Bu Ja		80.000
3	Đường liên thôn	Bưu điện Văn hóa xã vào Bon Bu Ja	Hết đất nhà ông Mai Văn Khoát (ngã 3)		100.000
		Ngã 3 nhà ông Mai Văn Khoát	Nhà ông Điểu Nhép (giáp Quốc lộ 14C mới)		90.000
		Nhà ông Mai Văn Khoát (Đường qua đập Đắk Ké)	Giáp Quốc lộ 14C mới		80.000
		Ngã 3 nhà ông Đỗ Ngọc Tâm	Hết đất nhà ông Điểu Lý		90.000
		Ngã 3 Trường Mầm non Hoa Lan	Giáp xã Đắk Buk So (CBB3)		90.000
4	Đường Bu Prăng	Từ đất nhà ông Trường	Nhà ông Chiên (Giáp ngã 3 Quốc lộ 14C mới)		80.000
5	Dự án khu dân cư Bu Prăng 1 và Bu Prăng 2				50.000
6	Đường vào Đồn 10	Ngã 3 Quốc lộ 14C cũ (Nhà bà Ngận)	Hết đất đồn 10		80.000
7	Đường vào Đắk Huýt	Ngã 3 Quốc lộ 14C cũ	Giáp đập Đắk Huýt 2		80.000
		Giáp đập Đắk Huýt 2	Nhà ông Điểu Đê		80.000
		Nhà ông Điểu Đê	Nhà ông Điểu Trum		100.000
		Nhà ông Điểu Trum	Giáp đất nhà ông Trần Đăng Minh		80.000
		Giáp đất nhà ông Trần Đăng Minh	Ngã 3 Đội 6 Trung đoàn 726		70.000
8	Các đường liên thôn còn lại				60.000
9	Đất ở của các khu dân cư còn lại				50.000

V. Một số quy định khác

1. Đất ở của hộ gia đình, cá nhân tại nông thôn bao gồm đất để xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình phục vụ đời sống trong cùng một thửa đất thuộc khu dân cư nông thôn theo hạn mức đất giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở tại nông thôn theo quy định của pháp luật.

2. Đất ở của hộ gia đình, cá nhân tại đô thị bao gồm đất để xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình phục vụ đời sống thuộc quy hoạch sử dụng đất để xây dựng nhà ở tại các thị trấn, phường theo hạn mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở tại đô thị theo quy định của pháp luật.

3. Giá đất trong cùng một thửa đất, có mặt tiền ven các đường, trục đường giao thông tính theo chiều sâu, từ mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng (giao thông, thủy lợi, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, hệ thống xử lý chất thải) đến mét thứ 30 tính theo hệ số 1; từ trên 30 mét đến mét thứ 50 tính theo hệ số 0,7; từ trên 50 mét đến mét thứ 70 tính theo hệ số 0,5; từ trên 70 mét tính theo hệ số 0,3 (không áp dụng để tính tiền thuê đất).

4. Khi xác định điểm khởi đầu để xác định cự ly cho các trục đường giao nhau, thì điểm khởi đầu là điểm tiếp giáp mép đường (nếu không có vỉa hè), hay từ mép ngoài cùng của vỉa hè (nếu có vỉa hè). Trường hợp, đối với những tuyến đường đã có chỉ giới quy hoạch thì điểm khởi đầu là điểm tại chỉ giới quy hoạch tuyến đường.

5. Giá đất ở những thửa đất ở có 2 mặt tiền trở lên được tính như sau:

Nếu sử dụng làm căn cứ để:

- Tính tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất thì được tính giá đất của đường mà thửa đất đó có giá cao nhất;

- Tính thuế, tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, thì được tính giá đất của đường mà thửa đất đó đăng ký địa chỉ cụ thể (số nhà, đường phố), nếu không có địa chỉ cụ thể, thì tính giá đất của đường có cổng chính ra vào.

6. Trường hợp trên một trục đường trong cùng xã, phường có hai đoạn nối tiếp nhau có mức giá chênh lệch tại điểm giao nhau lớn hơn 30% thì đoạn đường có mức giá thấp được nhân hệ số 1,2 trong phạm vi tối đa không quá 50 mét tính từ vị trí giao nhau.

7. Đối với các trục đường giao nhau, nếu trục đường giá thấp có mức giá nhỏ hơn 0,3 mức giá của trục đường giá cao thì được cộng thêm một tỉ lệ như sau:

- Từ điểm giao nhau đến mét thứ 30: Cộng thêm 0,5 mức giá của các trục đường có mức giá cao.

- Từ trên 30 mét đến mét thứ 50: Cộng thêm 0,35 mức giá của trục đường có mức giá cao.

- Từ trên 50 mét đến mét thứ 70: Cộng thêm 0,25 mức giá của trục đường có mức giá cao.

- Từ trên 70 mét đến mét thứ 100: Cộng thêm 0,15 mức giá của trục đường có mức giá cao.

8. Đối với những thửa đất có ngõ riêng đi vào ≤ 2 mét, thì phần diện tích đất bị che khuất được nhân hệ số 0,7 mức giá thửa đất che khuất tại vị trí tiếp giáp liền

kề đã được tính hệ số theo chiều sâu của thửa đất (1; 0,7; 0,5; 0,3), hoặc, đối với những thửa đất có ngõ riêng đi vào > 2 mét, thì phần diện tích đất bị che khuất được tính như nêu ở điểm 3, mục V bảng giá này./.

---------------o0o---------------